PINACO

TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

PAC

www.pinaco.com.vn

MỤC LỤC

GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY

Thông tin khái quát....3

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh....6

Mô hình quản trị và bộ máy quán lý....9

Định hướng phát triển....11

Các rủi ro....13

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2020

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh....17

Tổ chức và nhân sự....18

Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án....20

Tình hình tài chính....20

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu....24

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty....25

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020....33

Tình hình tài chính 35

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý....35

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021....35

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Báo cáo của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty....39

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty....40

Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021....41

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị....44

Báo cáo Ban kiểm soát....47

Kế hoạch công tác năm 2021 của Ban kiểm soát....52

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2020....56

PINACO

PINACO

45 NĂM

LAN TOẢ
NĂNG LƯỢNG
TÍCH CỰC

KẾ THỪA
PHÁT TRIỂN
ĐỘT PHÁ
VƯƠN TẦM THẾ GIỚI



PINACO

TẦM NHÌN

PINACO trở thành nhà sản xuất Pin và Ắc Quy hàng đầu khu vực Đông Nam Á, vươn ra Châu Á và thế giới.

SỨ MỆNH

Cung cấp giải pháp năng lượng an toàn, hiệu quả và tin cậy cho khách hàng.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Tất cả cán bộ công nhân viên **PINACO** cam kết làm việc và hành xử theo nguyên tắc **"4C"**



PINACO

NĂNG LƯỢNG VƯỢT TRỘI DẪN LỐI THÀNH CÔNG



Pin các loại

Pin Alkaline:
Pin đũa LR6/AM3/AA-Size -
Pin tiểu LR03/AM4/AAA-Size -

Pin truyền thống:
Pin đại R20/UM1/D-Size -
Pin tiểu R6P/UM3/AA-Size -
Pin đũa 03/UM4/AAA-Size -

Ắc quy các loại

- Ắc quy AGM
- Ắc quy miễn bảo dưỡng (CMF)
- Ắc quy Hybrid
- Ắc quy truyền thống (nước)
- Ắc quy dân dụng
- Ắc quy công nghiệp
- Ắc quy khô (VRLA)

Thông điệp
CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi Quý Cổ đông, Quý khách hàng, Nhà đầu tư và toàn thể cán bộ công nhân viên của **CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM (PINACO).**

Năm 2020 – một năm hết sức đặc biệt, đại dịch Covid – 19 bùng phát trên toàn thế giới đã làm cho nguồn cung bị gián đoạn, nhu cầu giảm sút, kinh tế suy giảm nghiêm trọng. Nhiều quốc gia thực hiện đóng cửa biên giới, phong tỏa, giãn cách xã hội; thêm vào đó, tình hình kinh tế - chính trị thế giới vẫn diễn biến hết sức phức tạp, khó lường; chiến tranh thương mại giữa các quốc gia, nền kinh tế rất quyết liệt khiến nền kinh tế toàn cầu đi đến suy thoái. Nền kinh tế Việt Nam cũng không là ngoại lệ, trong năm 2020 dịch Covid – 19 đã bùng phát 2 lần, Chính phủ đã phải quản lý biên giới chặt chẽ, thực hiện phong tỏa, giãn cách xã hội và nhiều biện pháp phòng chống dịch bệnh; thiên tai, lũ lụt lịch sử đã làm cho nền kinh tế ảnh hưởng nghiêm trọng. Trước bối cảnh đó Hội đồng quản trị (HĐQT) đã có những quyết sách, chỉ đạo kịp thời, đề ra nhiều biện pháp linh hoạt chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phù hợp với thực tế. Nhờ nỗ lực của toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty và sự lãnh đạo quyết liệt, hiệu quả của Ban điều hành mà năm qua các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận chỉ giảm nhẹ so với cùng kỳ. Tổng doanh thu đạt 3.449 tỷ đồng, giảm 6,02%, lợi nhuận trước thuế đạt 190 tỷ đồng, giảm 7,3% so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao.

Khẳng định về Chất lượng sản phẩm dịch vụ, không ngừng đổi mới:

Bằng sự cố gắng liên tục, không ngừng nghỉ, năm qua **PINACO** tiếp tục đạt danh hiệu Thương hiệu quốc gia, Hàng Việt Nam Chất lượng cao. Thị phần được cải thiện, áp dụng có hiệu quả công nghệ trong quản trị, phù hợp với tình hình mới. Công tác nghiên cứu nâng cao chất lượng sản phẩm, phát triển sản phẩm mới bước đầu đạt kết quả rất tốt; làm tiền đề cho việc nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ đến khách hàng trong giai đoạn tới. Kế thừa những thành tựu của năm 2020 và các năm trước, nhìn về tương lai với tâm thế "cải tiến để phát triển", **PINACO** bước vào năm 2021, năm kỷ niệm 45 năm xây dựng và phát triển với những nhiệm vụ chính như sau:

- Cung cấp ra thị trường sản phẩm ắc quy chất lượng cao đáp ứng nhu cầu khách hàng ngày càng tăng.
- Cải tiến mẫu mã, chất lượng và định vị lại thương hiệu Pin Con Ó đáp ứng nhu cầu thị hiếu của người tiêu dùng.
- Khởi công xây dựng nhà máy ắc quy tại Khu công nghiệp An Phước tỉnh Đồng Nai.

Phát triển bền vững

PINACO luôn ý thức sự phát triển của doanh nghiệp phải luôn gắn trách nhiệm bảo vệ môi trường, trách nhiệm xã hội, gắn bó, đồng hành cùng người lao động; **PINACO** đã đảm bảo việc làm và thu nhập tốt cho người lao động góp phần ổn định an sinh xã hội; Bên cạnh đó, Công ty đã nhanh chóng cứu trợ kịp thời cho đồng bào Miền Tây bị hạn hán và đồng bào Miền Trung bị lũ lụt cũng như tham gia các hoạt động xã hội khác.

Với chiến lược kinh doanh rõ ràng, các kế hoạch sản xuất kinh doanh được triển khai cụ thể, linh hoạt và hiệu quả bởi đội ngũ lãnh đạo, cán bộ công nhân viên tài năng, tâm huyết với ý chí quyết tâm cao. HĐQT tin tưởng chắc chắn rằng **PINACO** sẽ vượt qua mọi khó khăn và đạt được các mục tiêu đã đề ra.

*Thay mặt HĐQT, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý Cổ đông, Nhà phân phối, Đối tác và toàn thể Người lao động đã hợp tác, đoàn kết, chia sẻ những khó khăn, làm việc hết mình vì sự phát triển của **PINACO**. Đặc biệt, xin gửi lời cảm ơn đến Quý khách hàng về sự tín nhiệm và tin dùng đối với sản phẩm **PINACO**.*

Trân trọng!

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

LÊ HOÀNG

GIỚI THIỆU CÔNG TY

PINACO

1. Thông tin chung

2. Sơ đồ tổ chức

3. Định hướng phát triển

4. Các rủi ro

1. Thông tin khái quát

THÔNG TIN CƠ BẢN	
Tên công ty	**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM**
Tên tiếng anh	**DRY CELL AND STORAGE BATTERY JOINT STOCK COMPANY**
Tên giao dịch	**PINACO**
Giấy CNĐKKD	Số 0300405462 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 23/09/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 30/01/2020.
Vốn điều lệ	464.717.070.000 VNĐ *(Bốn trăm sáu mươi tư tỷ, bảy trăm mười bảy triệu, không trăm bảy mươi nghìn đồng)*
Trụ sở chính	321 Trần Hưng Đạo, Phường Cô Giang, Quận 1, TP. HCM
Điện thoại	(84 28) 3920 3062 – 3920 3063
Fax	(84 28) 3920 3060 – 3920 3061
Email	pinaco@pinaco.com.vn
Website	www.pinaco.com.vn
THÔNG TIN CỔ PHIẾU	
Mã chứng khoán	**PAC**
Sàn niêm yết	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE)
Ngày bắt đầu niêm yết	12/12/2006
Số lượng cổ phiếu lưu hành	46.471.707 cổ phiếu



- Quá trình hình thành và phát triển.

Năm 1976 >>	Năm 1993 >>	Năm 1998 >>	Năm 2003 >>	Năm 2004 >>	Năm 2006 >>
CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM (PINACO), trước đây là Công ty Pin Ắc quy miền Nam, được Tổng cục Hóa chất (nay là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam) quyết định thành lập vào ngày 19/04/1976 trên cơ sở quốc hữu hóa toàn bộ các nhà máy: Pin Con Ó (Vi-dopin), Pin Con Mèo, Pin Hột Xoàn, nhà máy bình điện VABCO và nhà máy bình điện VIDECO.	Ngày 25/05/1993, theo Nghị định 388 của Chính phủ về việc thành lập lại các doanh nghiệp Nhà nước, Bộ Công Nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương) ra quyết định số 304/QĐ/TCNSĐT thành lập lại Công ty Pin Ắc Quy Miền Nam (PINACO) trực thuộc Tổng Công ty Hóa Chất Việt Nam.	Từ năm 1998, PINACO bắt đầu thực hiện liên tục đầu tư đổi mới thiết bị, nâng cao năng lực sản xuất, thay thế dần công nghệ sản xuất cũ lạc hậu bằng công nghệ sản xuất mới.	Đầu tư mới Xí nghiệp Ắc Quy Sài Gòn tại Khu Công nghiệp Tân Tạo.	Ngày 01/10/2004, PINACO chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002690 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 23/9/2004.	PINACO niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán TP.HCM theo Giấy Phép Niêm yết cổ phiếu số 69/UB-CK-GPNY của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và chính thức thực hiện phiên giao dịch đầu tiên vào ngày 12/12/2006 với mã chứng khoán là PAC với giá giao dịch là 40.000 đồng/cổ phiếu.
Năm 2011 >>	**Năm 2012 >>**	**Năm 2015 >>**	**Năm 2016 >>**	**Năm 2017 >>**	**Năm 2018 >>**
Đầu tư Xí nghiệp Ắc Quy Đồng Nai 2 tại khu công nghiệp Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.	PINACO đầu tư đổi mới thiết bị, thay thế dần công nghệ sản xuất cũ lạc hậu bằng công nghệ sản xuất mới, phù hợp với nhu cầu thị trường.	Tăng vốn điều lệ từ 269.878.430.000 đồng lên 309.812.930.000 đồng, theo hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.	Tăng vốn điều lệ từ 309.812.930.000 đồng lên 464.717.070.000 đồng, theo hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.	Quy hoạch lại sản xuất ắc quy, sắp xếp 4 xí nghiệp còn 3 xí nghiệp.	Mua 8,7 ha tại khu công nghiệp An Phước, tỉnh Đồng Nai.

Thành tích đạt được:











- **Thương hiệu Quốc gia** 5 lần liên tiếp (2012, 2014, 2016, 2018, 2020);
- **Hàng Việt Nam Chất lượng cao** 24 năm liền do người tiêu dùng bình chọn (1997 – 2020);
- Cờ Thi đua của Thủ tướng Chính phủ (2013, 2014, 2015);
- Cờ Thi đua của Bộ Công Thương/ Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp cho công ty (2016, 2017, 2018, 2019, 2020), Xí nghiệp Ắc Quy Đồng Nai 2 (2014, 2015), Xí nghiệp Ắc Quy Đồng Nai (2015, 2019); Xí nghiệp Pin Con Ó (2016);
- Cờ Thi đua của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam cho Xí nghiệp Pin Con Ó (2015), Xí nghiệp Ắc Quy Đồng Nai 2 (2016, 2020), Chi nhánh Công ty tại Hà Nội (2016), Xí nghiệp Ắc Quy Đồng Nai (2017);
- Cờ Thi đua của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam do có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh (2014, 2015, 2016, 2018, 2020);
- Cờ Thi đua của Công đoàn Công thương Việt Nam do có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh (2017, 2019);
- Huân chương độc lập hạng Nhất (2010), Nhì (2005), Ba (2001);
- **Anh Hùng Lao động thời kỳ đổi mới** (2000);
- Huân chương Lao động hạng Nhất lần 2 (2015), Nhì (2013), Ba (2001, 2003);
- Top 5 Công ty chăm lo tốt nhất cho người lao động do Tập đoàn Hóa chất Việt Nam công nhận (2015);
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam công nhận danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" (2019, 2020);
- Doanh nghiệp vì người lao động do Công đoàn Công nghiệp Hóa chất Việt Nam và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam công nhận (2016);

- Chứng nhận Nhà cung cấp Ưu tiên của Tập đoàn Ford Q1 (2014);
- Nhà cung cấp có cải tiến tốt nhất của HONDA (2014);
- Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín (2014);
- **Top 50 doanh nghiệp kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam** (2017, 2018, 2019);
- Chứng nhận **ISO 14001** cho hệ thống quản lý môi trường (2015);
- Chứng nhận **ISO/IEC 17025** cho hệ thống phòng thí nghiệm (2013);
- Chứng nhận **ISO 9001** – hệ thống quản lý chất lượng (2001);
- Chứng nhận **IATF 16949** – hệ thống quản lý chất lượng dành cho các nhà cung cấp cho ngành công nghiệp ô tô (2011);
- Nhà cung cấp đáng tin cậy (2011);
- Sao Vàng Đất Việt (2009 – 2011);
- Cổ phiếu Vàng (2009);
- TOP 100 thương hiệu hàng đầu Việt Nam (2008);
- Thương hiệu chứng khoán uy tín & công ty cổ phần hàng đầu Việt Nam (2008);
- Top 50 Doanh nghiệp niêm yết tốt nhất Việt Nam (2015, 2016).

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

2.1. Ngành nghề kinh doanh:

- Những hoạt động chính tạo ra doanh thu và lợi nhuận của Công ty như sau:
- Sản xuất Pin, Ắc quy: Cung cấp đa dạng các chủng loại pin và ắc quy cho thị trường nội địa và xuất khẩu. Bao gồm các loại Pin Carbon kẽm thông dụng và các loại ắc quy cho nhiều mục đích sử dụng như: Ắc quy khởi động dùng cho xe ô tô, xe máy, tàu thuyền; Ắc quy dân dụng dùng thắp sáng, xe điện và Ắc quy công nghiệp các loại, v.v…
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu các sản phẩm Pin, Ắc quy và vật tư, thiết bị cho sản xuất kinh doanh pin, ắc quy.

Sản phẩm tiêu biểu:

Sản phẩm của PINACO đạt tiêu chuẩn chất lượng hàng đầu với công nghệ được chuyển giao từ Châu Âu, Nhật Bản, sản xuất trên các máy móc, thiết bị tiên tiến của Áo, Mỹ, Đức, Anh, Ý, v.v… và hệ thống quản trị tiên tiến, đáp ứng được yêu cầu khắt khe của nhiều khách hàng và các hãng lắp ráp ô tô, xe máy hàng đầu thế giới tại Việt Nam như Ford Vietnam, Thaco, Vietnam Suzuki, Honda, Piaggio, Yamaha, Mercedes – Benz Vietnam, Hyundai Thành Công, v.v…



Pin các loại
Pin đại R20/UM1/D-Size;
Pin tiểu R6P/UM3/AA;
Pin đũa 03/UM4/AAA;
Pin đũa Alkaline LR6/AM3/AA;
Pin tiểu Alkaline LR03/AM4/AAA

Ắc quy AGM
Ắc quy cao cấp dùng cho các xe hơi đời mới





Ắc quy miễn bảo dưỡng (CMF) cho xe ô tô
Gồm các chủng loại với dung lượng từ 35 Ah đến 100 Ah

Ắc quy Hybrid
Các chủng loại với dung lượng từ 32 Ah đến 100 Ah





Ắc quy cho xe tải– tàu thuyền
Các chủng loại với dung lượng từ 100 Ah đến 220 Ah

Ắc quy dân dụng
Các chủng loại với dung lượng từ 20Ah đến 30Ah



Ắc quy khô (VRLA) &
Ắc quy truyền thống cho xe gắn máy





Ắc quy khô cho
xe máy điện, xe đạp điện - UPS
Các chủng loại 4.5Ah đến 20Ah

Ắc quy công nghiệp
Ắc quy xe điện, xe golf



2.2. Địa bàn kinh doanh.

a) Trong nước:

- Công ty có 01 văn phòng chính tại Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh; 02 xí nghiệp sản xuất ắc quy tại tỉnh Đồng Nai và 01 xí nghiệp sản xuất pin tại Tp. Hồ Chí Minh.

- 02 chi nhánh tại Hà Nội và Đà Nẵng; 09 cửa hàng giới thiệu sản phẩm tại Tp. Cần Thơ, Tp. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Kon Tum, Đà Nẵng, Hà Nam và Hà Nội. Địa bàn kinh doanh phủ khắp toàn quốc.

- Các xí nghiệp sản xuất:

  + 01 Xí nghiệp sản xuất Pin tại Tp HCM.

  + 02 Xí nghiệp sản xuất Ắc quy tại Đồng Nai.

- Các cửa hàng giới thiệu sản phẩm:

  + 01 tại Cần Thơ

  + 03 tại Quận 1 và 6 – Tp HCM.

  + 01 tại Đồng Nai.

  + 01 tại Kon Tum

  + 01 tại Đà Nẵng

  + 01 tại Hà Nam

  + 01 tại Hà Nội.

- Hệ thống phân phối:

  + Nhà phân phối và đại lý: Hệ thống phân phối của Công ty có 159 Nhà phân phối/Đại lý và trên 10.000 điểm bán bao phủ khắp các tỉnh thành trên toàn quốc. Đội ngũ nhân viên thường xuyên bám sát thị trường, hỗ trợ nhà phân phối kinh doanh, triển khai các chương trình thúc đẩy tiêu thụ và hỗ trợ việc bảo hành sản phẩm. Hệ thống phân phối chuyên nghiệp hoạt động hiệu quả đã giúp công ty cạnh tranh thắng Lợi trên thị trường và phục vụ tốt cho khách hàng. Chính điều này đã tạo nên khác biệt giữa chất lượng phục vụ của PINACO so với các công ty cùng ngành khác trên thị trường.

  + Siêu thị và các cửa hàng: Sản phẩm pin của PINACO có mặt ở các siêu thị, nhà sách, cửa hàng tiện lợi và tiệm tạp hóa trên toàn quốc.

b) Xuất khẩu:

Xuất khẩu đóng góp khoảng 18,54% vào tổng doanh thu của Công ty. Tính đến cuối năm 2020, Công ty xuất khẩu đến 38 *quốc gia và vùng lãnh thổ. Công ty duy trì xuất khẩu đi các* thị trường truyền thống tại khu vực Trung Đông, các nước Đông Nam Á, Nam Mỹ v.v…

c) Khách hàng tiêu biểu:

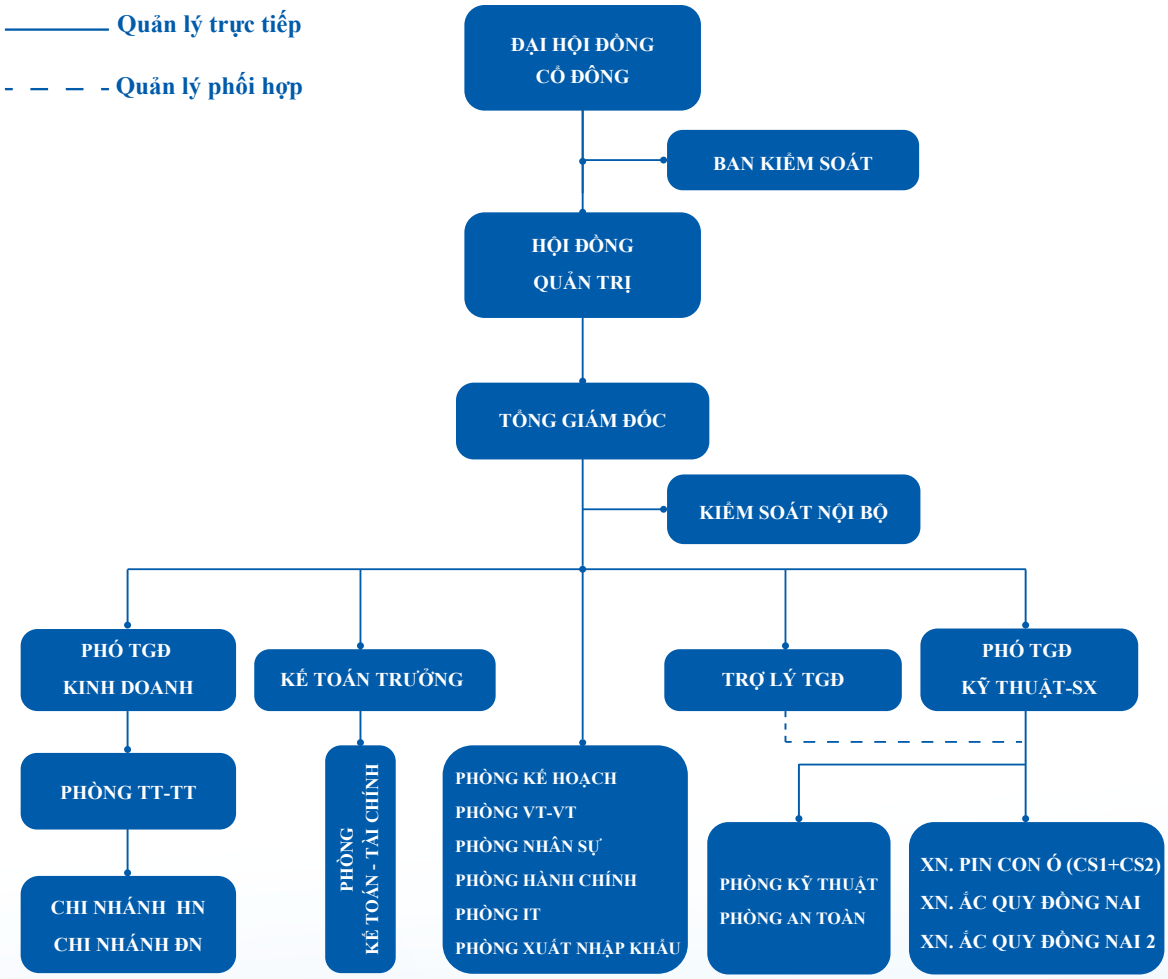
PINACO là đối tác cung cấp ắc quy cho hầu hết các Hãng sản xuất xe gắn máy và ô tô có nhà máy tại Việt Nam như:



3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.

- **Mô hình quản trị:** Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.

- **Cơ cấu bộ máy quản lý:**



Đơn vị trực thuộc

CÁC XÍ NGHIỆP

Văn Phòng Công Ty:

321 Trần Hưng Đạo, Phường Cô Giang, Quận 1, TP. HCM

ĐT: (028) 3920 3062



Xí nghiệp Ắc quy Đồng Nai

Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai

ĐT: (0251) 3 836 116



Xí nghiệp Pin Con Ó

Lô 64, đường số 2, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, Q. Bình Tân, TP. HCM

ĐT: (028) 37 540 244



Xí nghiệp Ắc quy Đồng Nai 2

Đường N2, KCN Dệt May Nhơn Trạch, Nhơn Trạch, Đồng Nai

ĐT: (0251) 3 569 968



CÁC CHI NHÁNH

Chi nhánh Hà Nội

18 ngõ 44 Đức Giang,

P. Thượng Thanh,

Q. Long Biên, Hà Nội

ĐT: (024) 36 557 634



Chi nhánh Đà Nẵng

348 Điện Biên Phủ,

Q. Thanh Khê,

TP. Đà Nẵng

ĐT: (0236) 3 649 957



CỬA HÀNG GIỚI THIỆU SẢN PHẨM

321 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP. HCM ĐT: (028) 38 368 529	21-23 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP. HCM ĐT: (028) 38 293 932	752 Hậu Giang, Quận 6, TP. HCM ĐT: (028) 37 516 145
Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, tỉnh Đồng Nai ĐT: (0251) 3 836 116	02 Phạm Ngũ Lão, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội ĐT: (024) 38 261 030	348 Điện Biên Phủ, Q. Thanh Khê, Đà Nẵng ĐT: (0236) 3 649 952

TRUNG TÂM BẢO HÀNH		
Khu vực Miền Bắc 02 Phạm Ngũ Lão, Q. Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội ĐT: (024) 38 261 030	**Khu vực Miền Trung** 348 Điện Biên Phủ, Q. Thanh Khê, Đà Nẵng ĐT: (0236) 3 769 055	**Khu vực Miền Nam** Lô 64, đường số 2, KCN Tân Tạo, Q. Bình Tân, TP. HCM ĐT: (028) 3754 1151

Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty có 1 công ty liên kết là Công ty TNHH đầu tư kinh doanh bất động sản Thịnh Phát, địa chỉ 752 Hậu Giang, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh; kinh doanh bất động sản, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng. Số tiền góp là 32.500.000.000 đồng, tỷ lệ 26%.

4. Định hướng phát triển

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty đến năm 2025

- Củng cố vị thế dẫn đầu trong ngành pin ắc quy tại Việt Nam.
- Trở thành công ty sản xuất pin, ắc quy hàng đầu Đông Nam Á.
- Tiên phong áp dụng công nghệ cao trong sản xuất ắc quy chì – axít.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

a) Chiến lược kinh doanh

- Ưu tiên phát triển thị trường trong nước đang còn rất lớn, đẩy mạnh tiêu thụ các dòng sản phẩm thị phần còn thấp, tập trung truyền tải hình ảnh tốt đẹp của PINACO đến người tiêu dùng.
- Tập trung khai thác, đẩy mạnh xuất khẩu sang các nước Đông Nam Á. Quảng bá, xây dựng hình ảnh và hệ thống phân phối, từng bước chiếm lĩnh thị trường này. Đồng thời tăng cường xuất khẩu qua thị trường Trung Đông, Nhật Bản, Hồng Kông, v.v…
- Không ngừng nghiên cứu nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ và phát triển các sản phẩm mới, đa dạng để đáp ứng tốt nhất nhu cầu thị trường, giữ vững và phát triển thị phần. Từng bước tung ra các sản phẩm chất lượng vượt trội, tạo sự khác biệt rõ ràng so với các sản phẩm cùng loại, mang nhiều lợi ích hơn cho khách hàng. Xây dựng văn hóa kinh doanh lấy khách hàng là trung tâm phục vụ.
- Phát triển bền vững, có trách nhiệm với xã hội và môi trường.

b) Chiến lược đầu tư

- Tập trung đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, đa dạng hóa sản phẩm, đáp ứng nhu cầu thị trường cũng như bảo vệ môi trường.
- Chuẩn bị các thủ tục, nguồn vốn để đầu tư xây dựng nhà máy mới tại khu công nghiệp An Phước tỉnh Đồng Nai đáp ứng nhu cầu tăng trưởng cũng như di dời Xí nghiệp ắc quy Đồng Nai tại khu công nghiệp Biên Hòa.

c) Chiến lược nguồn nhân lực

- Chăm lo phát triển nguồn nhân lực theo hướng khuyến khích và thu hút người tài và tạo dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện, đề cao tinh thần trách nhiệm, tự giác và hướng tới khách hàng.

- Dựa vào mục tiêu chung của Công ty để xây dựng và giao chỉ tiêu đánh giá kết quả công việc (KPIs) cho từng đơn vị, cá nhân làm cơ sở đánh giá năng lực cũng như có chính sách đãi ngộ cho toàn thể cán bộ nhân viên của Công ty.

- Tổ chức thực hiện công tác quy hoạch cán bộ, tạo nguồn cán bộ trẻ vừa hồng vừa chuyên nhằm đảm bảo tính kế thừa trong trung và dài hạn.

- Đào tạo nâng cao năng lực quản lý điều hành cho cán bộ hiện tại, cán bộ quy hoạch; đào tạo nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho nhân viên, huấn luyện nâng cao tay nghề cho đội ngũ kỹ thuật và công nhân trực tiếp sản xuất.

- Áp dụng chính sách trả lương tiên tiến, phù hợp quy định pháp luật và thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ cần thiết đối với người lao động trên cơ sở gắn liền với hiệu quả công việc của từng bộ phận và cá nhân.

4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững.

- Hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh pin và ắc quy có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe, môi trường. Để giảm thiểu những rủi ro không mong muốn xảy ra trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, đáp ứng các yêu cầu của pháp luật về môi trường và phù hợp với định hướng phát triển bền vững, Công ty đã triển khai những giải pháp như sau:

  + Luôn đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về công tác bảo vệ môi trường như việc kiểm soát phát thải, thu gom, xử lý các chất thải nguy hại trong quá trình sản xuất và kinh doanh của mình.

  + Không ngừng đầu tư và cải tiến liên tục trang thiết bị thu gom, phân loại các chất thải tại nguồn của các công đoạn sản xuất; kiểm soát các yếu tố gây ô nhiễm đáp ứng các quy định của pháp luật và ứng dụng nhanh vào công nghệ sản xuất các tiến bộ kỹ thuật nhằm giảm thiểu phát thải ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe người lao động

  + Duy trì hệ thống quản lý môi trường của Công ty theo tiêu chuẩn ISO 14001-2015, thường xuyên kiểm tra, giám sát tính tuân thủ và hiệu lực của hệ thống và thường xuyên giáo dục nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho toàn thể nhân viên của Công ty.

- Trách nhiệm xã hội là một trong những chính sách quan trọng của quá trình hoạt động và định hướng phát triển bền vững của Công ty trong hiện tại và tương lai. Pinaco là một trong những thành viên tích cực của Hội đồng trách nhiệm xã hội tự nguyện của các doanh nghiệp hoá chất Việt Nam (Vietnam Responsible Care Council – VRCC).

- Công ty luôn cam kết đem đến cho khách hàng những sản phẩm có chất lượng tốt, an toàn khi sử dụng với giá cả phù hợp để đảm bảo quyền lợi của khách hàng.

- Tăng cường thực hiện các hoạt động xã hội như chia sẻ, giúp đỡ các hoàn cảnh khó khăn, ủng hộ bà con nghèo, gia đình chính sách. Đẩy mạnh hoạt động từ thiện, các hoạt động hỗ trợ cho cộng đồng góp phần thúc đẩy xã hội phát triển một cách bền vững.

5. Các rủi ro

5.1 Rủi ro vĩ mô

- Đại dịch Covid 19 và chiến tranh thương mại Mỹ - Trung đã làm ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế thế giới năm 2020 và dự báo sẽ còn tác động xấu cho các năm tiếp theo. Chiến tranh tôn giáo, sắc tộc chưa chấm dứt, tình hình Trung Đông luôn bất ổn đã ảnh hưởng đến thương mại toàn cầu. Cạnh tranh địa chính trị giữa các nước lớn sẽ làm cho kinh tế thế giới vốn đã khó khăn nay lại thêm bất ổn, khó lường.

- Năm 2020, trong bối cảnh nền kinh tế thế giới có nhiều bất ổn thì nền kinh tế Việt Nam đã có những chuyển biến rõ nét và tích cực. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam gần 3%, là 1 trong những nước có tỷ lệ tăng trưởng cao nhất thế giới. Mặc dù nền kinh tế có sự tăng trưởng, nhưng Việt Nam vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức như thiếu nguồn nhân lực có tay nghề, năng suất lao động thấp, phụ thuộc nhiều vào các doanh nghiệp FDI, thiên tai, dịch bệnh xảy ra thường xuyên.

- Nền kinh tế Việt Nam có độ mở lớn, nước ta tham gia nhiều hiệp định thương mại thế hệ mới với nhiều quốc gia phát triển. Bên cạnh cơ hội mở rộng thị trường xuất khẩu, công ty phải đối mặt sự cạnh tranh quyết liệt với các sản phẩm cùng loại được nhập khẩu từ các nước phát triển.

5.2. Rủi ro lãi suất

- Với tỷ lệ nợ vay ngắn và dài hạn cuối năm 2020 khá cao, chiếm 53,92% trên tổng tài sản, ngoài ra sắp tới nhu cầu đầu tư sẽ rất lớn, do vậy khi có những biến động tăng về lãi suất sẽ ảnh hưởng đến tình hình hoạt động của Công ty. Trong năm 2020, lãi suất vay ngắn hạn VND và USD đều giảm 1% so với năm 2019. Nguyên nhân do Công ty đã tích cực đàm phán với các tổ chức tín dụng.

- Ý thức được những tác động của biến động tăng lãi suất, Ban lãnh đạo Công ty đã tăng cường công tác quản trị hàng tồn kho, tích cực trả nợ vay, luôn theo dõi sát diễn biến tình hình tài chính trên thế giới, chính sách tiền tệ, chính sách tài khóa,… từ đó có các giải pháp phù hợp nhằm giảm thiểu những ảnh hưởng của lãi suất đến tình hình hoạt động của Công ty.

5.3 Rủi ro tỷ giá

- Tình hình biến động tỷ giá năm 2020 nhìn chung khá ổn định đã tạo điều kiện tốt cho Công ty. Mặc dù một số nước xung quanh Việt Nam phá giá mạnh đồng tiền của họ trước áp lực chiến tranh thương mại Mỹ - Trung ngày càng quyết liệt. Là một công ty mà phần lớn vật tư, nguyên liệu, thiết bị chính đều nhập khẩu nên biến động tỷ giá sẽ tác động rất lớn đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Để giảm thiểu những tác động tiêu cực từ biến động của tỷ giá Công ty đã có nhiều biện

pháp như theo dõi sát và dự báo tình hình diễn biến của tỷ giá để điều chỉnh chính sách vay đô la hoặc tiền đồng phù hợp, mua kỳ hạn để giảm thiểu tác động tiêu cực từ tỷ giá tăng.

5.4. Rủi ro nguyên vật liệu

- Nguồn nguyên vật liệu chính phục vụ sản xuất của Công ty là chì và kẽm. Năm 2020, giá chì kẽm bình quân lần lượt là 1.824USD/tấn, 2.265 USD/tấn, tương ứng giảm 12% và giảm 11% so với năm 2019. Tuy nhiên, từ tháng 10/2020 giá chì kẽm tăng mạnh sẽ làm tăng chi phí sản xuất cho những tháng đầu năm 2021. Một số nguyên liệu cho ngành pin phụ thuộc nhà cung cấp Trung Quốc vì giá cạnh tranh, trong khi đó nhà cung cấp trong nước chưa đáp ứng về chất lượng và giá cả cao.

- Để hạn chế rủi ro Công ty đã đang và sẽ tích cực tìm kiếm đa dạng nhà cung cấp, luôn duy trì tối thiểu 2 nhà cung cấp cho một loại vật tư nguyên liệu nhằm tăng tính cạnh tranh và chủ động và bảo đảm an toàn nguồn cung trong sản xuất.

5.5. Rủi ro pháp lý

- Hoạt động sản xuất kinh doanh pin, ắc quy chịu ảnh hưởng của Luật Bảo vệ Môi trường, Luật Xuất Nhập khẩu, Luật Thương mại, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán.v.v. Trong khi đó hệ thống luật pháp Việt Nam đang còn nhiều bất cập, mâu thuẫn, chồng chéo, phức tạp, nếu không nắm bắt, cập nhật kịp thời sẽ dễ dẫn đến những rủi ro pháp lý. Vì vậy, việc phòng ngừa và xử lý rủi ro pháp lý là một vấn đề được Công ty rất quan tâm.

- Để giảm thiểu những rủi ro này Công ty đã lựa chọn, ký hợp đồng với công ty tư vấn luật để được tư vấn kịp thời về các vấn đề phát sinh. Bên cạnh đó, Công ty còn tuyển dụng, bố trí nhân sự chuyên trách công tác pháp chế để kiểm tra, rà soát, đảm bảo các Hợp Đồng, giao dịch của Công ty tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; theo dõi, cập nhật sự thay đổi của các văn bản pháp luật và phổ biến cho các đơn vị, phòng ban trong Công ty.

5.6. Rủi ro cạnh tranh

- Trong bối cảnh Việt Nam đang thực hiện các hiệp định thương mại đã ký trước đây. Điển hình như Hiệp định ATIGA, các hiệp định FTA thế hệ mới, hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), hiệp định EVFTA sẽ khiến cho sự cạnh tranh từ các sản phẩm nhập ngoại ngày càng gay gắt hơn. Đối với công ty là sự cạnh tranh từ các thương hiệu đến từ những nước có thế mạnh trong ngành như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan và các nước Châu Âu và ASEAN.v.v.

- Để duy trì khả năng cạnh tranh và phát triển ổn định, trong những năm qua và kế hoạch đầu tư trong thời gian tới Công ty đã luôn quan tâm đầu tư, đổi mới thiết bị, đón đầu xu thế. Hầu hết các thiết bị sản xuất đều được lựa chọn từ các nhà cung cấp hàng đầu thế giới ở các nước G7. Với nền tảng công nghệ tích lũy 45 năm và các công nghệ mới chuyển giao từ Châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc giúp Công ty có thể nâng cao chất lượng sản phẩm của mình, tạo ra những sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng và cũng dựa vào đó để Công ty có thể giữ vững vị thế của mình trên thị trường pin, ắc quy.

g) Rủi ro sản phẩm thay thế

- Thu nhập của người dân ngày càng tăng dẫn đến nhu cầu sử dụng cũng thay đổi. Người tiêu dùng luôn ưu tiên tìm mua những sản phẩm chất lượng. Hơn nữa, công nghệ pin ắc quy đang thay đổi khá nhanh với sự xuất hiện nhiều công nghệ mới: Pin sạc, pin nhiên liệu, ắc quy Lithium-Ion,… một số thiết bị đã thay thế sản phẩm của PINACO ở một vài phân khúc nhất định như: xe đạp điện, xe ô tô điện,…có một số sử dụng ắc quy Li-ion.

- ***Đối với sản phẩm pin:***

  + Pin Carbon kẽm công ty đang sản xuất thuộc nhóm sản phẩm công nghệ cũ, tốc độ tăng trưởng đang chậm dần, đặc biệt nhu cầu pin đại (R20, D-size) đang suy giảm mạnh và sẽ chấm dứt vòng đời trong tương lai gần… Nhưng các loại pin tiểu (R6, AA-Size) và pin đũa (R03, AAA-Size) vẫn rất phổ biến và tiếp tục tăng trưởng trong những năm gần đây.

  + Chi phí sản xuất lớn, dẫn đến giá thành cao hơn so với đối thủ cạnh tranh.

- ***Đối với sản phẩm ắc quy:***

  + Ắc quy chì acid cũng dần bị thay thế bởi các loại ắc quy công nghệ mới hơn. Tuy nhiên, nhu cầu sử dụng ắc quy chì acid vẫn rất cao do lượng phương tiện sử dụng ắc quy này vẫn đang tiếp tục tăng mạnh trong tương lai 3-5 năm tới và do có giá thành thấp và khả năng thu hồi, tái chế cao.

  + Các đơn vị lắp ráp ô tô – xe máy (OEM) ưu tiên các nhà sản xuất ắc quy cùng quốc gia.

- Để đối phó với rủi ro sản phẩm thay thế, Công ty đang đầu tư mạnh cho hoạt động R&D, tìm kiếm đối tác hợp tác nghiên cứu và tích cực tìm kiếm các công nghệ mới thay thế công nghệ hiện hữu để có thể đầu tư phát triển trong tương lai.

h) Rủi ro với môi trường

- Quá trình công nghiệp hóa đất nước kéo theo nguy cơ ô nhiễm môi trường ngày càng nghiêm trọng. Chính phủ Việt Nam đang siết chặt các chính sách bảo vệ môi trường, cũng như tăng cường kiểm tra xử phạt các vi phạm về môi trường của các nhà máy gây ô nhiễm để đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững.

- Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất pin, ắc quy có quy trình sản xuất, nguyên liệu có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến môi trường. Tuy nhiên trong những năm qua Công ty luôn tuân thủ nghiêm các quy định pháp luật về môi trường như đầu tư hệ thống thu gom, xử lý chất thải nguy hại trong quá trình sản xuất, tuân thủ các quy định về quản lý, tồn trữ, xử lý chất thải nguy hại và triển khai hệ thống thu gom sản phẩm thải bỏ sau quá trình sử dụng ngoài thị trường. Công ty cũng rất chú trọng công tác giáo dục nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của cán bộ công nhân viên trong Công ty.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2020

PINACO

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

2. Tổ chức nhân sự và chính sách với người lao động

3. Tình hình tài chính

4. Cơ cấu cổ đông

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Năm 2020, tình hình kinh tế thế giới có nhiều chuyển biến phức tạp, khó lường, đại dịch Covid 19 và chiến tranh thương mại Mỹ - Trung đã làm cho kinh tế toàn cầu giảm sút nghiêm trọng. Đối với Việt Nam, những đổi mới chính sách, môi trường kinh doanh của Chính Phủ đã tạo động lực phát triển kinh tế, GDP đạt gần 3% tuy thấp hơn nhiều năm qua song đặt trong bối cảnh mặt bằng chung của thế giới thì đây lại là một kỳ tích.

- Trong bối cảnh chung như trên đã ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong năm 2020 vẫn còn xảy ra tình trạng thiếu một số chủng loại ắc quy, đã làm ảnh hưởng đến tăng doanh thu và lợi nhuận cũng như thị phần. Xu hướng chuyển dịch của khách hàng từ bình ắc quy MF sang bình ắc quy CMF đã rõ ràng. Trong khi đó năng lực sản xuất bình CMF của Công ty còn hạn chế, không đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Năm qua Công ty đã nghiên cứu thành công một số dòng sản phẩm mới, có chất lượng vượt trội, dự kiến quý 3 năm 2021 sẽ đưa ra phục vụ thị trường.

- Trong năm qua Công ty đã thay đổi cách thức tiếp cận thị trường theo tình hình mới. Điều chỉnh linh hoạt chính sách bán hàng mang lại hiệu quả cao nhất. Do dịch Covid 19 nên một số chương trình quảng bá thương hiệu bị hủy bỏ.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	TH 2020/ TH 2019	TH 2020/ KH 2020
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	3.541	3.670	3.449	97,4%	94,0%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	212	205	190	89,4%	92,7%
Cổ tức	%	20	>=15	15(*)	75,0%	100,0%
(*) Cổ tức đã chi trả 10% bằng tiền mặt, dự kiến chia thêm 5% và chờ ĐHCĐ thông qua.						

Lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 190 tỷ đồng, giảm 7,3% so với kế hoạch và giảm 10,6% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu là do ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh Covid-19.

2. Tổ chức và nhân Sự

Danh sách Ban điều hành:

01 Ông ĐÀO NGỌC MINH TIẾN

- ***Chức vụ:*** Phó Tổng Giám đốc phụ trách Bán hàng–Thị trường
- ***Sinh năm:*** 1961
- ***Quê quán:*** TP. Hồ Chí Minh
- ***Trình độ Chuyên môn:*** Kỹ sư cơ khí, Cử nhân kinh tế
- ***Lý luận chính trị:*** Trung cấp chính trị
- **Số cổ phần nắm giữ:** 9 cổ phần

02 Ông NGUYỄN DUY HƯNG

- ***Chức vụ:*** Kế toán trưởng
- ***Sinh năm***: 1973
- ***Quê quán:*** Hà Tĩnh
- ***Trình độ chuyên môn:*** Cử nhân kinh tế
- ***Lý luận chính trị:*** Cao cấp chính trị
- ***Số cổ phần nắm giữ:*** 852 cổ phần

Ông LÊ VĂN NĂM

- ***Chức vụ:*** Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc từ 01/02/2021 đến nay, Bí thư Đảng ủy.
- ***Sinh năm:*** 1967.
- ***Quê quán:*** Đồng Tháp.
- ***Trình độ chuyên môn:*** Kỹ sư hóa
- ***Lý luận chính trị:*** Cao cấp chính trị.
- ***Số cổ phần nắm giữ:*** 3.577 cổ phần .

03 Ông TRẦN THANH VĂN

- ***Chức vụ:*** Tổng Giám đốc đến ngày 01/02/2020, thành viên HĐQT kiêm Bí thư Đảng ủy.
- ***Sinh năm:*** 1960.
- ***Quê quán:*** Bến Tre.
- ***Trình độ chuyên môn:*** Kỹ sư Cơ khí – Thạc sĩ Kinh tế.
- ***Lý luận chính trị:*** Cao cấp chính trị.
- ***Số cổ phần nắm giữ:*** 41.345 cổ phần.

Ông CAO TRỌNG MIÊN 04

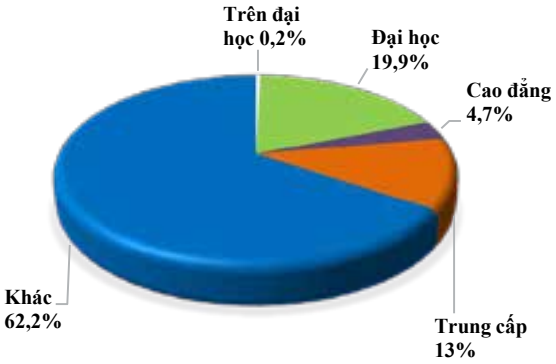
- ***Chức vụ:*** Trợ lý Tổng Giám đốc.
- ***Sinh năm:*** 1968
- ***Quê quán:*** Thừa Thiên Huế
- ***Trình độ Chuyên môn:*** Cử nhân hóa
- ***Số cổ phần nắm giữ:*** 2.835 cổ phần.

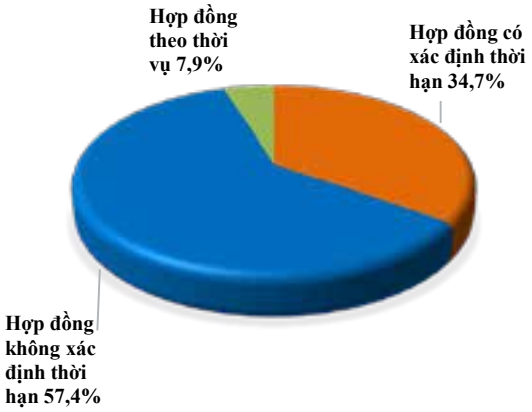
Những thay đổi trong ban điều hành:

- Ông Trần Thanh Văn: nghỉ hưu theo chế độ kể từ ngày 01/02/2020.
- Ông Lê Văn Năm: được bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng Giám đốc công ty kể từ ngày 01/02/2020.

Số lượng cán bộ, nhân viên :

Stt	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ lệ
A	**Theo trình độ**	**1.201**	**100%**
1	Trên Đại học	2	0,2%
2	Đại học	240	19,9%
3	Cao đẳng	56	4,7%
4	Trung cấp	156	13,0%
5	Khác	747	62,2%
B	**Theo tính chất hợp đồng lao động**	**1.201**	**100%**
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	417	34,7%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	689	57,4%
3	Hợp đồng theo thời vụ (công nhật)	95	7,9%





Công tác Nhân sự - Tiền lương:

Rà soát điều chỉnh, bổ sung quy chế lương phù hợp với quy định và đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty. Xây dựng nguồn nhân lực trong toàn công ty đáp ứng sự phát triển bền vững trong tương lai. Tạo môi trường làm việc năng động, sáng tạo, chủ động cho từng cá nhân, bộ phận. Xây dựng và giao chỉ tiêu về chi phí, giá thành trên từng sản phẩm, tích hợp "Mục tiêu chất lượng" và hệ thống KPIs cho các đơn vị để đánh giá mức độ hoàn thành công việc và có chính sách trả lương thưởng và có chế độ đãi ngộ phù hợp nhằm khuyến khích tăng năng suất lao động.

Quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của người lao động. Thực hiện mua Bảo hiểm sức khỏe, Bảo hiểm tai nạn 24/24, Bảo hiểm hưu trí tự nguyện, Bảo hiểm nhân thọ cho toàn thể cán bộ nhân viên của Công ty để tăng cường sự gắn bó lâu dài với Công ty. Ngoài ra Công ty cũng quan tâm đến cán bộ nhân viên hưu trí; luôn có một khoản trợ cấp cho những nhân

viên có hoàn cảnh khó khăn, ủng hộ giúp đỡ các viện dưỡng lão, những nơi nuôi dưỡng trẻ em mồ côi khuyết tật, v.v…nhằm giáo dục cho CBCNLĐ truyền thống 'uống nước nhớ nguồn' và trách nhiệm với cộng đồng xã hội.

Công ty cũng đã thưởng cổ phiếu PAC cho toàn thể CB.CNLĐ từ nguồn khen thưởng và phúc lợi nhằm phát huy tiếng nói và quyền lợi cổ đông trong công ty.

Trong năm 2020 Công ty đã tiếp tục duy trì các phong trào thi đua tiết kiệm vật tư, chi phí, văn phòng khang trang lịch sự, hội thao, v.v… Bên cạnh đó, Công ty cũng tổ chức các phong trào thi đua về doanh số bán hàng cho các cán bộ nhân viên nhằm nâng cao sản lượng bán hàng của Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn

- Triển khai đầu tư các máy móc thiết bị ngành ắc quy với công nghệ tiên tiến của Mỹ nhằm tăng năng lực sản xuất lá cực như máy trộn cao chì, lò ủ thẻ, sấy thẻ…; đầu tư thiết bị lắp ráp, hoàn tất đặc biệt đối với các dòng ắc quy CMF, VRLA để tăng sản lượng đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Triển khai công tác chuẩn bị đầu tư cho dự án xây dựng nhà máy sản xuất ắc quy tại khu công nghiệp An Phước, diện tích xây dựng giai đoạn 1 là 5,6 ha, đầu tư máy móc thiết bị giai đoạn 1 công suất 900.000 kwh/năm để đáp ứng nhu cầu tăng trưởng ắc quy kể từ năm 2024 và phục vụ di dời Xí nghiệp ắc quy Đồng Nai khỏi khu công nghiệp Biên hòa 1 nếu cần.

b) Các công ty con, công ty liên kết

Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thịnh Phát, để khai thác khu đất 752 Hậu Giang, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên đến nay vẫn chưa hoạt động.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Đơn vị tính : đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	% tăng, giảm
Tổng giá trị tài sản	2.400.229.689.921	2.482.744.397.743	-3,3%
Tổng doanh thu	3.449.081.662.295	3.541.175.254.529	-2,6%
Doanh thu thuần	2.954.018.147.401	3.078.986.795.154	-4,1%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	188.822.518.651	206.145.904.217	-8,4%
Lợi nhuận khác	684.743.484	5.835.198.133	-88,3%
Lợi nhuận trước thuế	189.507.262.135	211.981.102.350	-10,6%
Lợi nhuận sau thuế	148.582.753.566	166.694.946.427	-10,9%
Tỷ lệ cổ tức/mệnh giá (*)	15%	20%	-25,0%

Ghi chú: (*): Cổ tức đã chi trả 10% bằng tiền mặt, dự kiến chia thêm 5% và chờ ĐHĐCĐ thông qua.

Tính đến cuối năm 2020, tổng giá trị tài sản của Công ty đạt 2.400 tỷ đồng, giảm 3,3% so với năm 2020. Nguyên nhân tổng tài sản giảm chủ yếu mục tài sản ngắn hạn : tiền và tương đương tiền, hàng tồn kho; mục tài sản dài hạn: tài sản cố định giảm do khấu hao.

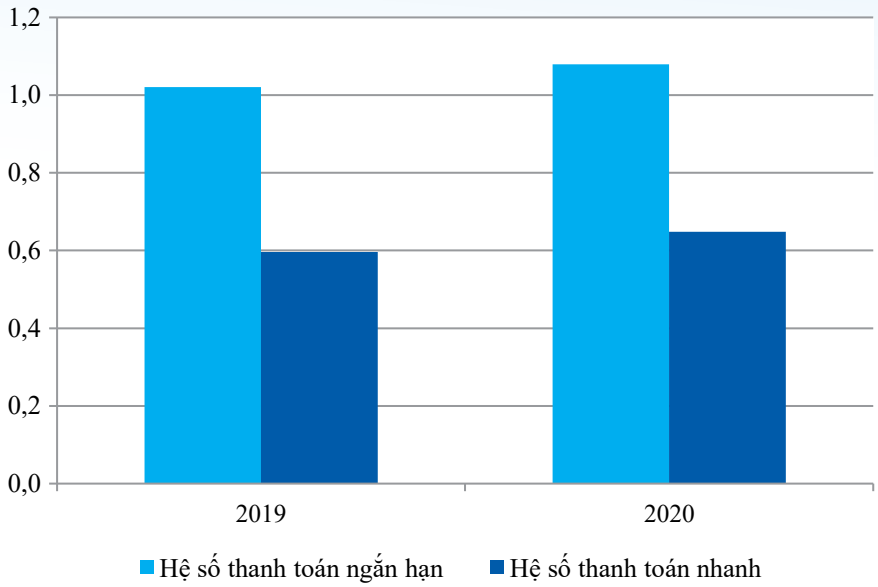
Năm 2020 là năm rất khó khăn, do dịch bệnh và thiên tai đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất kinh doanh của Công ty. Để thích ứng với tình hình mới, Công ty ban hành các chính sách bán hàng linh hoạt, dành ngân sách thích đáng cho cho công tác bán hàng, quản trị hệ thống phân phối hiệu quả, chăm sóc khách hàng chu đáo cho nên kết quả không quá thấp so với mặt bằng chung của xã hội.

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,02	1,08
Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn-Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn)	Lần	0,60	0,65
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	0,73	0,70
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	2,71	2,29
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho *(Giá vốn hàng bán/HTK bình quân)*	Vòng	3,72	3,51
Vòng quay tổng tài sản *(Doanh thu thuần/Tổng TS bình quân)*	Vòng	1,29	1,21
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5,41	5,03
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	26,06	21,25
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	6,99	6,09
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	6,70	6,39

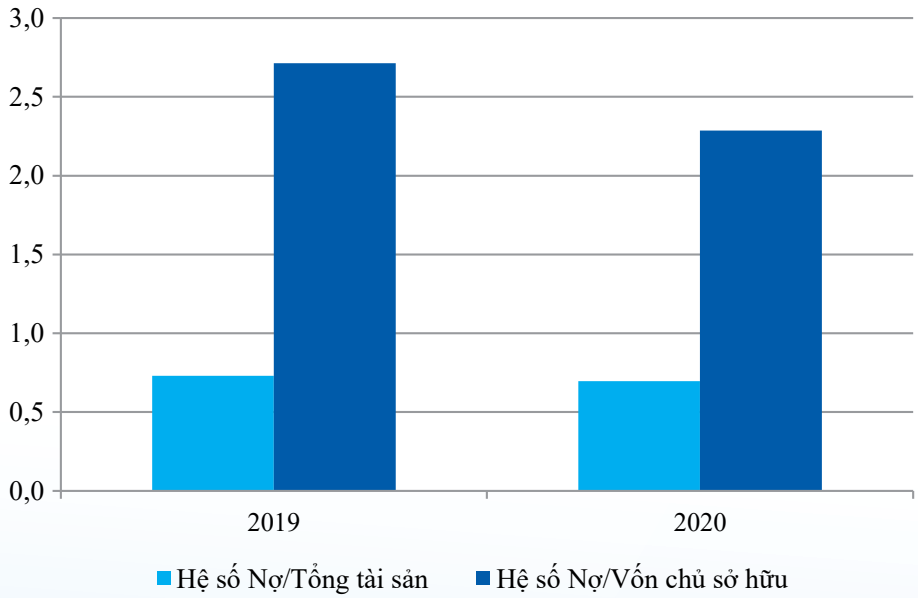
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Trong năm 2020, các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty tăng nhẹ so với cùng kỳ năm 2019, cụ thể Hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 1,02 lần lên 1,08 lần. Nguyên nhân chính là do trong năm 2020 Công ty quản trị dòng tiền hiệu quả, có khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, và giảm nợ phải trả ngắn hạn khoản vay và nợ thuê tài chính.



Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

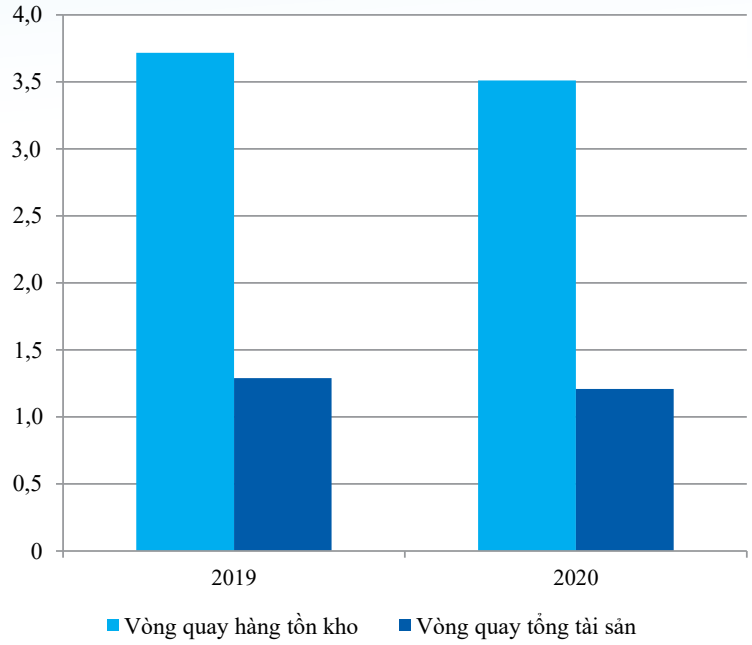
Các chỉ số về cơ cấu vốn của Công ty trong năm 2020 so năm 2019 có cải thiện. Cụ thể Hệ số Nợ/Tổng tài sản năm 2019, 2020 giảm từ 73% xuống 70%; Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu giảm từ 271% xuống 229%. Nguyên nhân chủ yếu là do giảm khoản vay và nợ thuê tài chính, tăng trích quỹ đầu tư phát triển theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông, chính sách chia cổ tức vừa phải và kết quả sản xuất kinh doanh khá tích cực trong bối cảnh tình hình dịch bệnh Covid-19.



Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

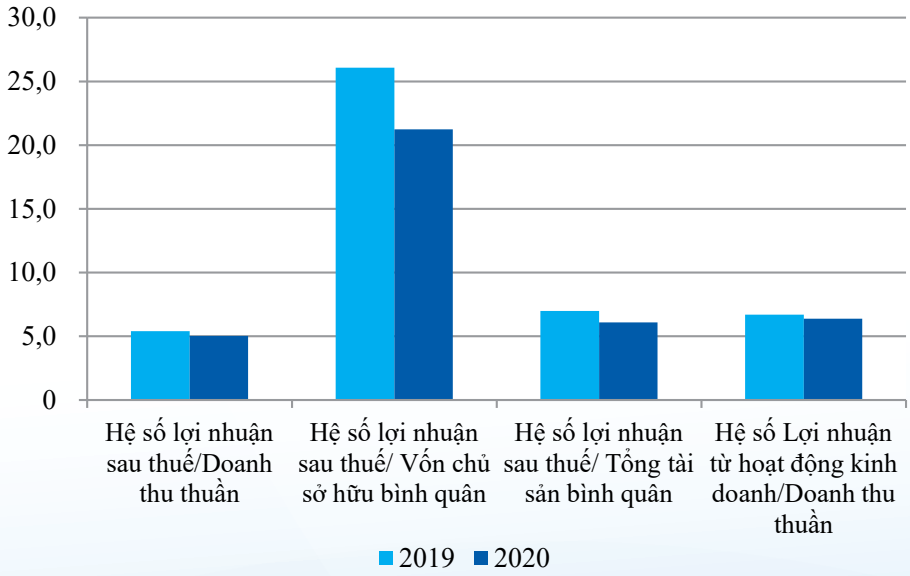
Trong năm 2020, chỉ tiêu Vòng quay hàng tồn kho của Công ty giảm nhẹ từ 3,72 vòng xuống 3,51 vòng tương đương giảm 5,6% so với cùng kỳ năm 2019. Nguyên nhân giảm là do tổng giá vốn hàng bán giảm và hàng tồn kho bình quân tăng.

Chỉ tiêu Vòng quay Tổng tài sản trong năm 2020 của Công ty đã giảm nhẹ từ 1,29 vòng xuống còn 1,21 vòng so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân là do doanh thu thuần giảm, và tổng tài sản bình quân tăng.



Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Nhìn chung, các chỉ số về khả năng sinh lời của Công ty trong năm 2020 có giảm nhẹ, nguyên nhân chính là do Công ty đã tăng cường công tác bán hàng, tăng chiết khấu để tăng doanh thu do dịch bệnh Covid-19. Ngoài ra, chi phí lãi vay phục vụ đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh tăng cũng làm cho tốc độ tăng của lợi nhuận sau thuế năm 2020 tăng chậm so với cùng kỳ.



5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

5.1. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần phát hành: **46.471.707** cổ phần.
- Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá: **10.000** đồng/cổ phần.
- Cổ phiếu quỹ: **0** cổ phần.
- Cổ phiếu đang lưu hành: **46.471.707** cổ phần.

5.2. Cơ cấu cổ đông

Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng (cổ phiếu)	% vốn điều lệ
Tổng cộng	**1.422**	**46.471.707**	**100%**
Cổ đông trong nước	**1.192**	**39.952.958**	**86,0%**
Tổ chức	31	29.140.898	62,7%
Cá nhân	1.161	10.812.060	23,3%
Cổ đông nước ngoài	**230**	**6.518.749**	**14,0%**
Tổ chức	30	5.940.483	12,8%
Cá nhân	200	578.266	1,2%

Tỷ lệ sở hữu cổ đông nước ngoài tối đa là 49%.

5.3. Danh sách cổ đông lớn

Stt	Tên cổ đông	Số lượng (cổ phiếu)	Giá trị theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ
1	TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM	23.898.273	238.982.730.000	51,4%
2	THE FURUKAWA BATTERY CO. LTD.	4.899.708	48.997.080.000	10,5%
3	CÔNG ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM	2.325.034	23.250.340.000	5,0%

d) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Các đợt tăng vốn cổ phần kể từ khi thành lập đến nay

Stt	Năm phát hành	Số cổ phần tăng thêm hàng năm	Số cổ phần lũy kế	Đối tượng
1	2004	10.263.000	10.263.000	Phát hành lần đầu
2	2007	1.737.000	12.000.000	Cổ đông hiệu hữu
3	2008	4.500.000	16.500.000	Cổ đông hiệu hữu
4	2009	4.035.272	20.535.272	Cổ đông hiệu hữu
5	2010	2.014.850	22.550.122	Cổ đông hiệu hữu
6	2011	4.437.721	26.987.843	Cổ đông hiệu hữu
7	2015	3.993.450	30.981.293	Cổ đông hiệu hữu
8	2016	15.490.414	46.471.707	Cổ đông hiệu hữu

e) Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại là 0 cổ phiếu, trong năm không phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ.

f) Các chứng khoán khác:

Trong năm không phát hành đợt phát hành chứng khoán nào cả.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường

Ô nhiễm môi trường là một vấn đề nóng trên toàn cầu. Hiện nay, môi trường toàn cầu đang bị đe dọa trầm trọng, vì tình hình thế giới ngày càng phát triển, các nhà máy, công trình mỗi ngày thải ra ngoài môi trường rất nhiều chất thải như: khí thải, chất thải nguy hại, nước thải,… dẫn đến môi trường bị ô nhiễm nặng. Do đó việc bảo vệ môi trường là nhiệm vụ cấp thiết hiện nay.

Bên cạnh đó, nguyên liệu sản xuất chính của Công ty là chì, kẽm và nhựa. Trong khi, chì lại là chất gây ô nhiễm nặng nề nhất, nguyên nhân là chì rất độc, nhựa là chất khó phân hủy, gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh. Hiểu rõ được điều này nên trong những năm qua Công ty đã triển khai nhiều biện pháp quản lý môi trường như : Áp dụng và đạt chứng nhận hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2015, tổ chức đánh giá tác động môi trường và được phê duyệt của các cơ quản lý chức năng trước khi triển khai dự án. Đầu tư các hệ thống xử lý bụi - khí thải đạt quy chuẩn về kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp QCVN 19:2009, hệ thống xử lý nước thải hiện đại đạt quy chuẩn về kỹ thuật Quốc gia về nước thải Công nghiệp QCVN 40:2011.

Thực hiện Quyết định số 16/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc thu hồi sản phẩm thải bỏ, PINACO đã nghiêm túc chấp hành và đã triển khai được 05 điểm thu hồi sản phẩm Pin và Ắc quy thải bỏ tại Thành phố Hà Nội, Thành phố Đà Nẵng, tỉnh Đồng Nai và Thành phố Hồ Chí Minh.

Về triển khai việc thu hồi sản phẩm Pin và ắc quy thải bỏ về quản lý chất thải rắn – chất thải nguy hại công ty đã tổ chức triển khai phân loại chất thải tại nguồn, kho chất thải tập trung riêng biệt như kho chứa chất thải sinh hoạt, chất rắn thông thường; chất thải nguy hại. Đã ký hợp đồng chuyển giao – xử lý tái chế với các công ty có chức năng, thực hiện giám sát chất lượng môi trường và báo cáo giám sát môi trường với các cơ quan quản lý về môi trường đúng như cam kết của đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt. Từ đó hướng tới mục tiêu phát triển bền vững trong tương lai.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Nguyên vật liệu sử dụng.

Bất kỳ một doanh nghiệp sản xuất nào, nguồn nguyên vật liệu là yếu tố quyết định đến doanh thu, lợi nhuận của Công ty. Ngoài ra, trong môi trường cạnh tranh như hiện nay, để có thể giữ vững vị thế của mình, Công ty thường xuyên thay đổi mẫu mã, nâng cao chất lượng sản phẩm trong khi vẫn đảm bảo giá bán thì việc quản lý sử dụng nguồn nguyên vật liệu một cách hiệu quả là một việc làm cấp thiết.

Năm 2020, Công ty đã thực hiện các chính sách nhằm tiết kiệm nguồn nguyên liệu trong khâu sản xuất nhằm giảm giá thành sản phẩm. Tổng lượng nguyên liệu Công ty tiêu thụ trong năm:

Stt	Tên NVL	ĐVT	Tổng cộng
1	Chì	tấn	29.345
2	Acid Sulfuric	tấn	4.809
3	Kẽm	tấn	1.437

b) Nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng lại trong quá trình sản xuất.

Công tác thu hồi chì, kẽm phế liệu được tiếp tục triển khai ở tất cả các xí nghiệp của Công ty trong năm 2020. Chì phế liệu trong quá trình sản xuất được thu gom lại và giao cho một đơn vị gia công tái chế lại để đưa lại vào sản xuất.

Năm qua, khối lượng nguyên vật liệu tái chế sử dụng để sản xuất sản phẩm đạt 1.619.123 kg. Cụ thể:

Stt	Xí nghiệp	ĐVT	Khối lượng chì thu hồi trong năm
1	Đồng Nai	Kg	1.413.980
2	Đồng Nai 2	Kg	205.143
Tổng cộng			**1.619.123**

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

Stt	Tên NVL	ĐVT	Tổng cộng
1	Điện	Kwh	34.800.000
2	Gas	Lít	1.993.519

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.

Chỉ tiêu	ĐVT	Tỷ lệ %	Số lượng
Điện	Kwh	1,23%	382.563
Gas	Lít	4,72%	95.570
Nước	m^3	0,27%	876

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng.

Năng lượng đóng vai trò quan trọng trong thời kỳ công nghiệp hóa hiện đại hóa, cùng với đó việc phát triển kinh tế xã hội thì nhu cầu sử dụng năng lượng sẽ có xu hướng tăng. Bên cạnh đó, việc sử dụng không hợp lý đã gây ra tình trạng cạn kiệt nguồn nguyên liệu hóa thạch, dẫn đến những tác động tiêu cực cho hệ sinh thái. Đồng thời, tình trạng khan hiếm nguyên liệu này ngày càng tăng tác động đến giá có xu hướng tăng cao trong những năm gần đây. Ngoài ra, với nguồn năng lượng hóa thạch, ngành công nghiệp điện đã thải lượng lớn khí cacbon ra môi trường gây ra hiện tượng hiệu ứng nhà kính, biến đổi khí hậu, v.v… làm ảnh hưởng không nhỏ đến khả năng tăng trưởng, phát triển bền vững của nền kinh tế trong và ngoài nước. Nhận thức được tầm ảnh hưởng của việc sử dụng năng lượng đến mọi mặt của mỗi quốc gia, Chính phủ Việt Nam đã đưa ra nhiều chính sách phù hợp với tình hình nhằm tiết kiệm nguồn năng lượng tối đa, đồng thời sử dụng năng lượng hiệu quả nhất.

Với vị thế là doanh nghiệp đứng đầu ngành sản xuất pin, ắc quy trong nước nên trong năm qua Công ty đã thực hiện nhiều giải pháp để tiết kiệm nguồn năng lượng sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

6.4. Tiêu thụ nước

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

Nước là thành phần không thể thiếu trong đời sống của con người, là một phần quan trọng của quá trình vận hành hoạt động của nền kinh tế. Tuy nhiên, hiện nay nhiều nơi đang tiêu thụ nước một cách lãng phí, đồng thời tình trạng nước chưa qua xử lý xả thải thẳng ra môi trường cũng đang là vấn đề được Nhà nước quan tâm. Do đó, nhận thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ nguồn nước và để có thể sử dụng một cách tiết kiệm, hợp lý là một bài toán được chú trọng hiện nay. Công ty đã đưa ra những biện pháp hợp lý, tái sử dụng nguồn nước cho các mục đích khác nhau như dùng nước thải đã qua xử lý tưới cây, rửa sàn nhà,… Đồng thời Công ty tích cực tuyên truyền và khuyến khích mỗi người lao động cần phải tự ý thức được tầm quan trọng

của nguồn nước và sử dụng nguồn nước một cách hợp lý để bảo vệ cuộc sống của chính mình.

Năm qua, lượng nước thủy cục sử dụng tại các Xí nghiệp của Công ty như sau:

Xí nghiệp	Nguồn cung cấp	Lượng sử dụng (m^3)	
		Năm 2019	Năm 2020
Đồng Nai	Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai	163.171	154.184
Đồng Nai 2	Công ty CP Đầu tư Vinatex- Tân tạo	149.758	177.510
Pin Con Ó	Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn	11.555	15.025
Tổng cộng		**324.484**	**346.719**

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng.

Tổng lượng nước thủy cục tái chế và tái sử dụng trong năm

Nội dung	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
Sử dụng nước thủy cục sau xử lý nước thải để rửa nền khu vực hoá thành	m^3	5.250	6.090
Lắp hệ thống hoàn lưu nước thủy cục tưới trục cán trát cao	m^3	635	686
Tổng cộng	**m^3**	**5.885**	**6.776**

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.

Năm 2020, Công ty đã thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các các quy định về công tác bảo vệ môi trường, Văn phòng công ty và 02 xí nghiệp sản xuất ắc quy của Công ty được tổ chức NQA CERTIFCATION LIMITED cấp giấy chứng nhận hệ thống quản lý môi trường ISO 14001: 2015. Bên cạnh đó, Công ty cũng tiếp tục sử dụng hệ thống quản lý môi trường ISO 14001: 2015 tại các đơn vị thành viên, Công ty không bị xử phạt vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường.

Công ty Cổ phần Pin Ắc quy Miền Nam cam kết:

- Tuân thủ pháp luật, các quy định và yêu cầu khác về môi trường có liên quan.
- Thiết lập, duy trì và cải tiến liên tục hệ thống quản lí môi trường phù hợp, nhằm ngăn ngừa ô nhiễm, bảo vệ môi trường.
- Truyền đạt chính sách môi trường đến mọi nhân viên, các nhà thầu và các bên liên quan nhằm đảm bảo sự tham gia của mọi người.

Chính sách bảo vệ môi trường

- Củng cố bộ máy làm công tác bảo vệ môi trường trong đơn vị tinh gọn, hiệu quả.
- Thành lập ban môi trường từ Công ty đến các xí nghiệp thành viên. Trong ban có phân

công trưởng ban và thường trực môi trường dưới sự quản lý trực tiếp của Ban lãnh đạo Công ty và Xí nghiệp. Đầu tư kinh phí thỏa đáng để nâng cấp các thiết bị xử lý nước thải, khi và tiếng ồn, năm 2020 đã chi 12.177.467.887 đồng để thực hiện chính sách bảo vệ môi trường.

- Công ty đã nâng cao việc kiểm soát môi trường nhờ vào việc giảm thiểu chất thải ngay từ nguồn thải, thu gom, phân loại, lưu giữ theo qui định của Bộ Tài Nguyên Môi Trường và chỉ chuyển giao chất thải cho các Công ty thu gom, vận chuyển, xử lý, tiêu huỷ chất thải có chức năng được luật pháp cho phép. Đồng thời, Công ty cũng thường xuyên nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho toàn thể cán bộ nhân viên Công ty.

- Định kỳ Công ty kiểm tra, đánh giá lại việc hoàn thành các mục tiêu môi trường đã đề ra cũng như đặt ra mục tiêu khác cao hơn nhằm cải thiện môi trường tốt hơn.

Các chỉ tiêu về môi trường

- Đối với nước thải: Tất cả các xí nghiệp của công ty đều có đầu tư hệ thống xử lý nước thải 24/24, tất cả nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt thải ra đều được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn cho phép: Quy chuẩn về kỹ thuật Quốc gia về nước thải Công nghiệp QCVN 40:2011 trước khi thải ra môi trường bên ngoài hoặc thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp. Nước thải sau xử lý tại Xí nghiệp Ắc quy Đồng Nai và Xí nghiệp thành viên được tái sử dụng lại, góp phần tiết kiệm nước sử dụng và giảm thiểu tác động môi trường và sử dụng nguồn tài nguyên môi trường (lượng nước tái sử dụng: 40 m3/ ngày).

- Đối với bụi - khí thải: Tất cả các xí nghiệp của công ty đều có đầu tư hệ thống xử lý bụi, khí thải, tất cả các nơi có phát sinh bụi, hơi khí độc thải, cụ thể như: hệ thống xử lý hơi axit tại các phân xưởng hóa thành của các xí nghiệp sản xuất ắc quy, các hệ thống xử lý bụi, khí độc thải ra từ các nồi nấu chì, kẽm, cưa cắt thẻ, lắp ráp, v.v … điều đạt Quy chuẩn về kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp, QCVN 19:2009.

- Đối với chất thải rắn – Chất thải nguy hại: đầu tư các kho lưu chứa tạm đúng theo quy định của Bộ Tài nguyên và môi trường. Công ty ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng để thu gom tái chế và đưa về lại để sử dụng. Cụ thể là xỉ kẽm, xỉ chì, phế liệu chì.

- Đối với chất thải sinh hoạt: ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng để thu gom vận chuyển và xử lý.

- Công ty luôn chú trọng công tác bảo vệ môi trường hướng tới mục tiêu phát triển bền vững với các hoạt động thân thiện với môi trường.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

Tính đến thời điểm 31/12/2020, Công ty có 1.201 lao động.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Công ty thành lập hội đồng An toàn vệ sinh lao động để chỉ đạo, kiểm tra giám sát công

tác an toàn vệ sinh lao động trong toàn công ty theo Luật An toàn vệ sinh lao động năm 2015. Thành lập Phòng An toàn để triển khai thực hiện công tác An toàn trong công ty ngày càng hiệu quả hơn

Công ty xây dựng và thực hiện nghiêm Thỏa ước lao động tập thể công ty trình Sở lao động Thương bình và Xã hội thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt với nhiều điều khoản có lợi cho người lao động như: Tổ chức bồi dưỡng độc hại và khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp, mua bảo hiểm tai nạn 24/24, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm hưu trí tự nguyện cho người lao động,… đúng theo quy định của Nhà nước. Hàng năm tổ chức cho người lao động đi nghỉ mát để tái tạo sức lao động, Chính quyền và Công đoàn thường xuyên tổ chức các hoạt động để chăm lo đời sống tinh thần cho cán bộ công nhân viên: hội thi nấu ăn, hội thao, hội diễn văn nghệ quần chúng, ...

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên

Chính sách đào tạo

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng
Gián tiếp		
Tổng số lượt người gián tiếp được đào tạo	người	214
Tổng số giờ đào tạo	giờ	3.252
Trung bình	giờ/người/năm	15,2
Trực tiếp		
Tổng số người đào tạo	người	756
Tổng số giờ đào tạo	giờ	6.530
Trung bình	giờ/người/năm	8,6
Cấp quản lý		
Số cán bộ quản lý	người	5
Số giờ đào tạo	giờ	272
Trung bình	giờ/người/năm	54,4
Bình quân chung	**giờ/người/năm**	**10,3**

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty luôn quan tâm đến đời sống của cán bộ nhân viên Công ty, và những cán bộ làm việc tại Công ty nhưng đã nghỉ hưu. Cụ thể là Công ty đã trợ cấp cho các cán bộ hưu trí co hoàn cảnh khó khăn, tặng quà cho cán bộ công nhân lao động hưu trí có huân chương nhân dịp 2/9. Tặng quà mừng thọ cho các cụ là tứ thân phụ mẫu của cán bộ công nhân lao động đến đúng tuổi 80, 85 và 90 tuổi trở lên vào dịp Tết. Trợ cấp cho công nhân lao động bị bệnh nằm viện dài ngày, có hoàn cảnh khó khăn. Tặng quà cho các cháu thiếu nhi nhân dịp quốc tế thiếu nhi, tết trung thu. Công ty cũng đã khen thưởng, trao học bổng "Nguyễn Đức Cảnh" cho những cháu là con cán bộ nhân viên Công ty đạt thành tích tốt trong học tập.

Công ty cũng đã đặt ra cho mình trách nhiệm đối với xã hội, với cộng đồng. Với truyền thống tốt đẹp "Uống nước nhớ nguồn" của dân tộc Việt Nam và của PINACO, mỗi dịp xuân về Công đoàn và Đoàn Thanh niên Công ty tổ chức vận động quyên góp từ Cán bộ công nhân lao động trong công ty để làm công tác xã hội – đền ơn đáp nghĩa. Trong đó phải kể đến đóng góp quỹ an sinh xã hội cho Tập đoàn, tặng quà cho cán bộ hưu trí ngành Hóa chất phía Nam, ủng hộ quỹ khuyến học, thăm hỏi, tặng quà nhân Ngày Thương binh liệt sĩ 27/7, trợ giúp khu nuôi dưỡng người già cô đơn, trẻ em nghèo, mồ côi khuyết tật… vào các dịp lễ Tết.v.v… tổng số tiền tham gia hoạt động xã hội từ thiện của đơn vị trong năm trên 2.783.680.000 triệu đồng.

BÁO CÁO
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

PINACO

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất - kinh doanh năm 2020

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Thực hiện các chỉ tiêu

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2020	So sánh (%)	
				Kế hoạch	Cùng kỳ
Doanh thu	Tỷ đồng	3.449	3.670	94,0	97,4
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	190	205	92,7	89,4
Cổ tức	%	15 (*)	≥15	100,0	75,0

Ghi chú: *(*) Cổ tức đã chi trả 10% bằng tiền mặt, dự kiến chia thêm 5% và chờ ĐHCĐ thông qua.*

Doanh thu đạt 3.449 tỷ đồng, giảm 2,6% so với cùng kỳ năm 2019 và giảm 6,0% so với kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế đạt 190 tỷ đồng, giảm 10,6% so với cùng kỳ năm 2019 và giảm 7,3% so với kế hoạch.

Một số kết quả nổi bật khác :

- Vừa chống dịch an toàn, vừa sản xuất kinh doanh hiệu quả, đảm bảo việc làm và thu nhập tốt cho người lao động đã tạo niềm tin rất lớn đối với người lao động. Nhiều công việc mới xưa nay chưa biết đến, nhưng Công ty đã chủ động, sáng tạo và làm tốt, mọi công việc vẫn thực hiện trôi chảy. Điều này cho thấy rằng chúng ta có thể vượt qua khó khăn, thách thức, với sự quyết tâm, đồng lòng và sáng tạo.

- Gia tăng thị phần nội địa và phát triển thêm thị trường xuất khẩu mới: Mặc dù nhu cầu tiêu dùng giảm mạnh do tác động từ đại dịch Covid-19, nhưng sản lượng ắc quy vẫn tiêu thụ tăng 3,53% so với năm trước. Ngoài ra, vào những giai đoạn khó khăn nhất, đó lại là lúc công ty phát triển thêm được 3 thị trường mới khó tính là Nhật Bản, Thái Lan và Bolivia.

- Sự kiện Xí nghiệp AQĐN đoạt giải nhất cuộc thi "Cải tiến năng suất chất lượng sản phẩm" do Bộ Công Thương tổ chức vào ngày 21/12/2020, PINACO đã tạo được niềm tin, cho các cơ quan quản lý, nhà đầu tư và khách hàng. Người lao động cũng tự tin hơn về năng lực chuyên môn, tính chuyên nghiệp mà chúng ta đã làm được và cũng rất tự hào về kết quả này.

1.2. Những biện pháp chính đã thực hiện

Công tác tiêu thụ - thị trường

Do đại dịch Covid-19 dẫn đến tình hình tiêu thụ rất khó khăn trên cả 3 thị trường : Nội địa, khách hàng OEM và xuất khẩu. Trước tình hình đó công ty đã đề ra nhiều giải pháp phù hợp để thích ứng với tình hình mới.

- ***Đối với thị trường nội địa :*** Công ty đã thay đổi cách làm, thực hiện nhiều chương trình ngắn hạn phù hợp trong từng tháng như bán hàng Commando, cùng các nhà phân phối đưa hàng ra điểm bán, tạo niềm tin đồng hành cùng khách hàng, cam kết quyền lợi lâu dài.

Triển khai chương trình "KHỞI ĐỘNG TRUYỀN CẢM HỨNG, BỀN BỈ NỐI THÀNH CÔNG", tặng voucher cho khách hàng trên cả nước, ngay sau thời điểm vãn dịch ở Quảng Nam, Đà Nẵng.

- ***Đối với thị trường xuất khẩu:*** Thường xuyên liên lạc và tìm hướng hỗ trợ khách hàng để vượt qua giai đoạn khó khăn. Đồng thời, giới thiệu sản phẩm trên các website thương mại điện tử quốc tế như Global sources, Alibaba để tìm kiếm khách hàng. Trong năm 2020 đã phát triển được thêm 3 thị trường xuất khẩu mới khá tiềm năng là Nhật Bản, Thái Lan và Bolivia. Tích cực chào bán sản phẩm pin ra thị trường nước ngoài. Khách hàng Myanmar đã đặt đơn hàng đầu tiên pin R20C, R6 và R03 decal xanh vào tháng 12/2020.

- ***Đối với thị trường OEM :*** Hầu hết các hãng lắp ráp xe đều giảm sản lượng. Bộ phận OEM đã đáp ứng nhanh các yêu cầu cho dòng xe mới của khách hàng THACO, Hyundai Thành Công, PIAGGIO, v.v… Nhằm bảo đảm chất lượng sản phẩm đến tay người dùng và hạn chế bảo hành, bộ phận OEM đã tăng cường tổ chức đào tạo về nghiệp vụ bảo dưỡng ắc quy cho các showroom, đại lý của các OEM.

- Tăng cường các hoạt động chăm sóc khách hàng, quảng bá sản phẩm, đưa số điện thoại chăm sóc khách hàng lên bao bì sản phẩm và Website của PINACO; tham gia triển lãm tại Cuộc thi Lái xe sinh thái – Tiết kiệm nhiên liệu của Honda 2020 (Honda EMC 2020); Ngoài ra nhằm nâng cao hiệu quả trong đầu tư phát triển cho ngành pin, công ty cũng đã và đang triển khai dự án "Định vị lại sản phẩm pin Con Ó".

Công tác Kỹ thuật – Sản xuất

- Áp dụng nhiều giải pháp công nghệ và quản lý tiên tiến vào sản xuất đã làm giảm tồn kho bán thành phẩm, rút ngắn quy trình sản xuất, giảm lao động, tăng năng suất lao động và giảm định mức vật tư.

- Cải tiến nâng cao chất lượng ắc quy, phát triển sản phẩm mới cung cấp theo yêu cầu của khách hàng. Nhanh chóng khắc phục các lỗi từ khiếu nại đáp ứng ngày càng cao yêu cầu của khách hàng.

- Tổ chức nhiều lớp đào tạo nội bộ cho đội ngũ kỹ sư nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ góp phần nâng cao chất lượng việc kiểm tra, xử lý các sự cố về MMTB và Công nghệ, đồng thời cũng nâng cao được ý thức trách nhiệm, tính tuân thủ quy trình công nghệ, và phát huy tốt hiệu quả trong công tác quản lý chất lượng. Rà soát và tinh gọn hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) nhằm nâng cao hiệu quả quản lý.

Công tác đầu tư

- Công ty đã chủ động, tự lắp đặt thiết bị đưa vào sản xuất thay vì phải chờ chuyên gia nước ngoài thực hiện. Điều này không những đáp ứng kịp thời việc tăng năng lực sản xuất mà còn giảm được chi phí chuyên gia.

- Triển khai đầu tư thêm 1 dây chuyền lắp ráp ắc quy gắn máy VRLA; 1 hệ thống nạp và hoàn tất ắc quy CMF; Trạm biến áp 3000 KVA cho xí nghiệp AQĐN 2.

- Hoàn thành các thủ tục pháp lý cho dự án di dời Pin Con Ó. Tiếp tục triển khai các hạng mục xây dựng còn tồn tại: khu trộn bột, khu điện dịch; đường nội bộ và hệ thống cấp thoát nước, nâng nền nhà kho, hệ thống điện động lực, …

- Thiết kế layout mặt bằng, thiết bị và các công việc chuẩn bị đầu tư cho nhà máy ắc quy An Phước: khảo sát địa chất, lập báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế cơ sở, thiết kế PCCC, báo cáo đánh giá tác động môi trường, v.v…

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Chất lượng tài sản tốt, trong năm tình hình tài sản ổn định, hiệu quả sử dụng tài sản cao, nợ phải thu quá hạn không đáng kể.

b) Tình hình nợ phải trả

Tình hình nợ hiện tại trong tầm kiểm soát của Công ty, biến động không lớn. Nợ phải trả chủ yếu vay phục vụ vốn lưu động và đầu tư tài sản cố định.

Công ty không có nợ phải trả quá hạn, năm qua tỷ giá khá ổn định nên ảnh hưởng chênh lệch của tỉ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty là không đáng kể.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

Trong năm qua Công ty có thay đổi cơ cấu tổ chức để phù hợp với tình hình thực tế, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn tới. *Sáp nhập phòng R&D với phòng Kỹ thuật – QA, thành lập phòng* An toàn VSLĐ-MT-PCCC. Ngoài ra Công ty đã thay đổi nhiều chính sách cũng như phương pháp quản trị mới để phù hợp với tình hình mới.

4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

4.1 Các chỉ tiêu

- ***Tổng doanh thu:*** 3.700 tỷ đồng
- ***Lợi nhuận trước thuế*** : 195 tỷ đồng
- ***Cổ tức:*** Phấn đấu không thấp hơn 15%

(Chưa tính tới các ảnh hưởng của dịch covid - 19).

4.2. Các giải pháp thực hiện

a) Nhiệm vụ trọng tâm

- Đẩy mạnh sản xuất tiêu thụ ngay từ đầu năm, mở rộng thị trường xuất khẩu, đặc biệt chú trọng thị trường ASEAN, phấn đấu vượt các chỉ tiêu đại hội giao.

- Tung ra thị trường sản phẩm chất lượng cao, tiếp tục cải tiến và phát triển các dòng sản phẩm mới, nâng cao chất lượng sản phẩm hiện hữu đáp ứng yêu cầu của khách hàng ngày càng cao.

- Tổ chức thành công chuỗi các hoạt động hướng tới kỷ niệm 45 năm thành lập Công ty.

- Cải tiến mẫu mã, chất lượng và định vị lại thương hiệu Pin Con Ó đáp ứng nhu cầu thị hiếu của người tiêu dùng.

- Hoàn thành di dời Xí nghiệp pin Con Ó trước tháng 6/2021 đồng thời hoàn thành các thủ tục để khởi công xây dựng nhà máy ắc quy tại Khu công nghiệp An Phước tỉnh Đồng Nai.

b) Một số giải pháp chính

Công tác tiêu thụ - thị trường

- Theo dõi sát tình hình diễn biến của thị trường để có chính sách bán hàng phù hợp, kịp thời. Lấy lại thị phần bình ắc quy xe máy và tạo đột phá về tiêu thụ bình PA. Tiếp tục triển khai các chương trình thúc đẩy bán hàng nhằm tăng doanh thu xuất khẩu sang các quốc gia Đông Nam Á, đặc biệt là thị trường Indonesia và Philippines. Thực hiện tốt chính sách hỗ trợ khách hàng để duy trì và phát triển thương hiệu, thị phần tại các quốc gia Trung Đông. Đẩy mạnh tìm kiếm khách hàng, mở rộng thị trường xuất khẩu sản phẩm Pin.

- Thực hiện thành công dự án định vị thương hiệu Pin Con Ó để từng bước tăng doanh số sản phẩm pin. Triển khai thành công chiến dịch quảng bá thương hiệu nhân dịp kỷ niệm 45 năm thành lập Công ty. Tiếp tục thu thập thông tin để xây dựng bản đồ dữ liệu về thị trường, thị phần của PINACO ở từng tỉnh thành trên cả nước để có chiến lược bán hàng phù hợp.

- Tích cực trong công tác chăm sóc khách hàng OEM, nắm bắt nhanh nhu cầu của khách hàng. Phối hợp chặt chẽ với các bộ phận liên quan phản hồi nhanh các yêu cầu của khách hàng. Duy trì thường xuyên công tác chăm sóc sản phẩm trong quá trình khi lưu kho lưu bãi tại khách hàng.

Công tác kỹ thuật – sản xuất

- Tập trung đẩy mạnh sản xuất đáp ứng đủ nhu cầu tiêu thụ đặc biệt đối với các chủng loại sản phẩm tốc độ tăng trưởng cao. Đặc biệt quan tâm đến công tác quản lý chất lượng nhằm bảo đảm chất lượng sản phẩm đồng thời giải quyết và khắc phục nhanh, chính xác các khiếu nại của khách hàng.

- Quản trị sản xuất hiệu quả để tăng năng suất, giảm giá thành sản phẩm. Tiếp tục đào tạo và áp dụng lý thuyết TVP (Theorical Value Production) của YAMAHA để triển khai mở rộng cho các đơn vị nhằm tăng hiệu suất sử dụng máy móc thiết bị. Trên cơ sở đó tăng cường cải tiến, tự động hóa giúp người lao động giảm công việc nặng nhọc độc hại, nguy hiểm và tăng năng suất lao động; Triển khai các phong trào sáng kiến, cải tiến kỹ thuật để giảm giá thành sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.

- Đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật, KCS, QA để đủ năng lực kiểm soát bảo đảm chất lượng sản phẩm và nghiên cứu phát triển sản phẩm mới. Đào tạo quy trình vận hành thiết bị và tay nghề cho người lao động, đào tạo công nhân có thể thao tác tại nhiều vị trí khác nhau, giúp linh hoạt trong điều phối sản xuất. Tiếp tục củng cố công tác ATVSLĐ – PCCC – MT, 5S để môi trường làm việc an toàn, thân thiện và bảo đảm tuân thủ theo yêu cầu của pháp luật.

Công tác đầu tư, nghiên cứu phát triển

- Khẩn trương triển khai phương án đầu tư trung hạn. Định kỳ rà soát tính toán năng lực sản xuất các xí nghiệp có kế hoạch đầu tư bổ sung kịp thời. Chuẩn bị tốt các dữ liệu và các yêu cầu về công nghệ nhằm tận dụng tối đa kinh nghiệm của chuyên gia để cải tiến nâng cao chất lượng sản phẩm (hiện hữu và sản phẩm mới) và áp dụng nhanh vào sản xuất để đáp ứng ngày càng cao yêu cầu của người tiêu dùng. Tìm đối tác để nghiên cứu và chuyển giao công nghệ pin Lithium.

- Tiếp nhận và triển khai lắp đặt nhanh và đưa vào sản xuất các dây chuyền đã được phê duyệt đầu tư.

- Triển khai đầu tư nhà máy mới An Phước, phấn đấu cuối năm 2021 khởi công xây dựng giai đoạn 1 nhà máy ắc quy.

Công tác khác

- Thực hiện nghiêm túc công tác phòng chống dịch Covid 19 một cách hiệu quả và an toàn nhằm tạo điều kiện ổn định sản xuất đáp ứng cho nhu cầu thị trường.

- Tìm nguồn vốn giá rẻ phục vụ đầu tư và sản xuất kinh doanh, thường xuyên theo dõi sát sao tình hình diễn biến của thị trường tài chính để có giải pháp đối phó phù hợp, tránh bị động gây thiệt hại cho Công ty. Tăng cường công tác kiểm soát tính tuân thủ, phát huy hơn nữa bộ phận kế toán quản trị, kiểm toán nội bộ để kiểm soát, phòng ngừa rủi ro.

- Rà soát tổng thể nguồn nhân lực để có kế hoạch đào tạo và tuyển dụng phù hợp. Tiếp tục hoàn thiện quy trình đánh giá nhân viên, chính sách lương thưởng hợp lý nhằm kích thích tính chủ động, sáng tạo, thu hút và giữ chân được lao động chất lượng cao có thể đáp ứng được yêu cầu phát triển của công ty trong tương lai.

BÁO CÁO
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

PINACO

1. Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty năm 2020

2. Đánh giá hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc

3. Phương hướng hoạt động của HĐQT năm 2021

1. Báo cáo của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.

1.1. Đánh giá chung tình hình năm 2020

Năm 2020, đại dịch Covid 19 bùng phát đã làm cho nền kinh tế thế giới rơi vào suy thoái nghiêm trọng. Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung và các nền kinh tế lớn khác ngày càng phức tạp; cạnh tranh địa chính trị giữa các nước lớn càng làm gia tăng đáng kể tính bất ổn của hệ thống thương mại toàn cầu, gây ảnh hưởng không nhỏ tới niềm tin kinh doanh, quyết định đầu tư và thương mại toàn cầu. Sự biến động khó lường trên thị trường tài chính - tiền tệ quốc tế, giá dầu cũng như nguyên vật liệu đầu vào chính yếu diễn biến phức tạp tác động đến tăng trưởng, tâm lý và kỳ vọng thị trường. Trong nước, nền kinh tế tuy tăng trưởng khá so với mặt bằng chung các nước song thấp hơn nhiều so với các năm trước do ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh Covid 19 cũng như thiên tai lũ lụt đặc biệt nghiêm trọng.

Đối với PINACO, ngoài những tác động từ thuận lợi và khó khăn nêu trên, sản xuất kinh doanh của Công ty có những thuận lợi, khó khăn sau:

Thuận lợi:

- Thương hiệu sản phẩm mạnh, hệ thống phân phối nội địa rộng khắp, thị trường xuất khẩu đã phát triển thêm nhiều quốc gia.

- Chất lượng sản phẩm tiếp tục được duy trì và ổn định tạo niềm tin cho người tiêu dùng giúp tăng khả năng cạnh tranh; đội ngũ lãnh đạo Công ty và người lao động có kinh nghiệm, thành thạo chuyên môn và đầy tâm huyết là động lực quan trọng nhất cho sự ổn định và phát triển của Công ty.

Khó khăn:

- Cạnh tranh trên thị trường ngày càng khốc liệt cả về giá bán, chất lượng và các chính sách bán hàng, hậu mãi.

- Tình trạng thiếu ắc quy do hạn chế về năng lực sản xuất và xu thế dịch chuyển nhanh về cơ cấu sản phẩm tiêu thụ nên sản xuất chưa kịp thời đáp ứng nhu cầu tiêu thụ.

- Dịch Covid 19 đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến kết quả sản xuất kinh doanh.

1.2. Kết quả kinh doanh năm 2020

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Nội dung các chỉ tiêu	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	So sánh (%)	
					Cùng kỳ	Kế hoạch
1	Tổng doanh thu	3.541	3.670	3.449	97,4	94,0
2	Lợi nhuận trước thuế	212	205	190	89,4	92,7
3	Lợi nhuận sau thuế	167	-	149	89,2	-
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/CP)	3.228	-	2.878	89,2	-
5	Cổ tức	20%	≥15%	15% (*)	75,0	100,0
6	Vốn điều lệ (làm tròn số)	465	465	465	100,0	100,0

Ghi chú: *(*): Cổ tức đã chi trả 10% bằng tiền mặt, dự kiến chia thêm 5% và chờ ĐHCĐ thông qua.*

1.3. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng quản trị (HĐQT) năm 2020

- Năm 2020, năm thứ 4 của Nhiệm kỳ Hội đồng quản trị (HĐQT) 05 năm giai đoạn 2017-2022, HĐQT đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan, cụ thể:

- Đối với công tác chỉ đạo, HĐQT đã xác định các vấn đề trọng tâm, trọng điểm trong sản xuất, kinh doanh và đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định đúng đắn, phù hợp, kịp thời; Đồng thời, phối hợp tốt với Ban Điều hành tập trung xử lý, giải quyết các vấn đề theo thẩm quyền được Đại hội đồng cổ đông giao phù hợp với các quy định hiện hành.

- Trong năm 2020, cơ cấu thành viên HĐQT có thay đổi như sau: Ông Lê Hoàng được bầu làm Chủ tịch HĐQT thay thế ông Phạm Thanh Tùng.

- Đánh giá chung: HĐQT và Ban điều hành đã phối hợp tốt, hiệu quả và hoàn thành tốt các mục tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 giao trong tình hình mới.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Trong năm 2020, Ban điều hành Công ty có bốn (04) thành viên đều có trình độ đại học trở lên; đến thời điểm Đại hội nhân sự Ban điều hành Công ty có sự thay đổi như sau:

- Trước ngày 01/02/2020, Ban điều hành có bốn (04) thành viên (gồm: 01 Tổng Giám đốc, 02 Phó Tổng giám đốc, 01 Kế toán trưởng), cụ thể:

Stt	Họ và Tên	Chức danh	Ghi chú
1	Ông Trần Thanh Văn	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm 01/02/2020
2	Ông Lê Văn Năm	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/02/2020
3	Ông Đào Ngọc Minh Tiến	Phó TGĐ phụ trách Bán hàng – Thị trường	
4	Ông Nguyễn Duy Hưng	Kế toán trưởng	

- Sau ngày 01/02/2020, Ban điều hành có bốn (04) thành viên (gồm: 01 Tổng Giám đốc, 02 Phó Tổng giám đốc, 01 Kế toán trưởng), cụ thể:

Stt	Họ và Tên	Chức danh	Ghi chú
1	Ông Lê Văn Năm	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/02/2020
2	Ông Đào Ngọc Minh Tiến	Phó TGĐ phụ trách Bán hàng – Thị trường	
3	Ông Nguyễn Điền Phước Chân	Phó TGĐ phụ trách Kỹ thuật – Sản xuất	Bổ nhiệm ngày 12/01/2021
4	Ông Nguyễn Duy Hưng	Kế toán trưởng	

- Trong thời gian tới, Hội đồng quản trị sẽ phối hợp với Ban điều hành để xem xét, giới thiệu, bổ nhiệm các chức danh quản lý Công ty còn thiếu theo quy định.

- Đánh giá về tình hình thực hiện nhiệm vụ của Ban điều hành: Năm 2020, Ban điều hành công ty đã có nhiều nổ lực vượt qua khó khăn trong bối cảnh nền kinh tế bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi đại dịch Covid 19, mặc dù không đạt các chỉ tiêu được Đại Hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị giao nhưng với kết quả nêu trên rất đáng khích lệ so với mặt bằng chung. Giữ vững được thị phần, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.

3. Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021

3.1. Nhận định tình hình chung

- Tình hình dịch Covid -19 vẫn còn diễn biết hết sức phức tạp, khó lường. Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung và cạnh tranh địa chính trị giữa các nước lớn sẽ tác động lớn đến phục hồi nền kinh tế thế giới. Dự báo nền kinh tế thế giới sẽ phục hồi nhưng chưa bằng so với trước đại dịch Covid 19.

- Năm 2021, kinh tế vĩ mô trong nước được Chính phủ đặt mục ổn định, chỉ tiêu tăng trưởng GDP từ 6,5% - 7%, lạm phát duy trì với mức thấp, môi trường đầu tư, kinh doanh tiếp tục cải thiện. Tuy nhiên, hậu quả đại dịch Covid -19 để lại vô cùng lớn mà không phải một sớm, một chiều giải quyết xong. Cạnh tranh với các đối thủ trong và ngoài nước ngày càng khốc liệt.

3.2. Mục tiêu cụ thể

Căn cứ vào tình hình thực tế, HĐQT trình Đại Hội đồng cổ đông kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

- **Tổng doanh thu:** 3.700 tỷ đồng, bằng 107% so với thực hiện năm 2020.
- **Lợi nhuận trước thuế:** 195 tỷ đồng.
- **Cổ tức:** Phấn đấu không thấp hơn 15%.

(Chưa tính tới các ảnh hưởng của dịch covid - 19).

3.3. Phương hướng hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị chỉ đạo và phối hợp với Ban điều hành đúng quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty phấn đấu hoàn thành tốt các mục tiêu, nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông năm 2021 giao cụ thể:

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi và ban hành các quy chế, quy định quản lý…để phù hợp với Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các quy định của pháp luật có liên quan;
- Chủ động xây dựng các phương án khôi phục hoạt động sản xuất kinh doanh. Đảm bảo hiệu lực, hiệu quả của chuỗi cung ứng từ khâu chuẩn bị nguyên nhiên vật liệu, tổ chức sản xuất, phân phối, lưu thông, đến cung ứng hàng hóa trong nước và xuất khẩu. Phấn đấu cao nhất thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 đã đặt ra trong bối cảnh phải đảm bảo tốt công tác phòng chống dịch bệnh; biến thách thức thành cơ hội của Công ty;
- Tiếp tục rà soát, khẩn trương thực hiện các nội dung liên quan đến đầu tư phát triển trước mắt cũng như lâu dài. Đồng thời, phát huy tối đa các nguồn lực hiện có để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, lợi thế của doanh nghiệp;
- Tăng cường kiểm soát và tối ưu hóa các chi phí, thực hành tiết kiệm, phát huy có hiệu quả các sáng kiến cải tiến trong mọi hoạt động của Công ty…nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh;
- Tiếp tục hoàn thiện tổ chức, kiện toàn bộ máy, nhân lực, đảm bảo nhân lực có trình độ chuyên môn, ngoại ngữ và khả năng quản lý đáp ứng với quá trình phát triển của doanh nghiệp và hội nhập quốc tế.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

PINACO

1. Hội đồng quản trị

2. Báo cáo Ban kiểm soát

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị :

Gồm năm thành viên (một Chủ tịch và bốn thành viên), như sau:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT		Cổ phiếu (bao gồm số được ủy quyền)	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Ông Lê Hoàng	Chủ Tịch HĐQT	27/06/2020		9.840.483	21,18
2	Ông Phạm Thanh Tùng	Chủ Tịch HĐQT	27/04/2017	27/06/2020	-	-
3	Ông Trần Thanh Văn	TV HĐQT	27/04/2017		41.345	0,09
4	Ông Lê Văn Năm	TV HĐQT/TGĐ	20/04/2019		9.375.437	20,17
5	Ông Nguyễn Văn Chung	TV HĐQT	27/04/2017		4.685.930	10,08
6	Ông Shinichiro Ota	TV HĐQT	27/04/2017		-	-

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Công ty đã rất nỗ lực trong việc thành lập các tiểu ban, tuy nhiên đến nay vẫn chưa lựa chọn được nhân sự phù hợp vào các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị có năm thành viên đều tốt nghiệp đại học trở lên, có kinh nghiệm trong quản lý; phân công nhiệm vụ của từng thành viên HĐQT như sau:

  + **Ông Lê Hoàng – Chủ tịch HĐQT:** Chỉ đạo chung mọi hoạt động của Hội đồng quản trị; Trực tiếp phụ trách công tác chiến lược và công tác tổ chức nhân sự.

  + **Ông Lê Văn Năm - Thành viên HĐQT/TGĐ:** Chỉ đạo điều hành toàn bộ hoạt động Ban Tổng giám đốc; Phụ trách mảng công bố thông tin; Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị giao.

  + **Ông Trần Thanh Văn - Thành viên HĐQT/TGĐ:** Hỗ trợ xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển trung dài hạn của công ty; Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị giao.

  + **Ông Shinichiro Ota - Thành viên HĐQT:** Hỗ trợ công ty trong việc phát triển khách hàng Nhật Bản tại Việt Nam và các nước trong khu vực; Phụ trách phát triển bền vững, công tác môi trường; Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị giao.

  + **Ông Nguyễn Văn Chung - Thành viên HĐQT:** Phụ trách công tác đầu tư xây dựng; Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị giao.

- Trong năm 2020, HĐQT tổ chức họp định kỳ hàng quý (không kể xin ý kiến bằng văn bản), cụ thể: HĐQT đã tổ chức sáu (06) cuộc họp và đã ban hành 44 Nghị quyết, Quyết định đã kịp thời đưa ra các chỉ đạo quản trị phù hợp với nhu cầu diễn biến của sản xuất, kinh doanh và đầu tư phát triển; Rà soát, kiện toàn công tác nhân sự theo quy định.

Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Lê Hoàng	4/4	100%
2	Ông Phạm Thanh Tùng	2/2	100%
3	Ông Trần Thanh Văn	6/6	100%
4	Ông Lê Văn Năm	6/6	100%
5	Ông Nguyễn Văn Chung	6/6	100%
6	Ông Shinichiro Ota	6/6	100%

Về mối quan hệ với cổ đông và công bố thông tin: HĐQT tuân thủ đúng Quy chế quản trị theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với các công ty niêm yết; thực hiện đúng quy định việc công bố thông tin định kỳ, thường niên cũng như các thông tin bất thường cho các cổ đông trên trang Website Công ty, UBCKNN, Sở GDCK HCM. Tuy nhiên, PINACO cũng giống như mô hình một số các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay cũng đang gặp vướng mắc như chưa có thành viên HĐQT độc lập, Công ty sẽ xem xét, hoàn thiện trong thời gian tới.

Về thực hiện phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và phương án chi trả cổ tức: Thực hiện đúng theo Nghị quyết đã được Đại Hội đồng cổ đông năm 2020 thông qua về phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và phương án chi trả cổ tức năm (HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành tạm ứng cổ tức năm 2020 là 10% cho các cổ đông hiện hữu bằng tiền mặt).

Việc trả tiền lương, thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát, Ban giám đốc thực hiện theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra và quy định của Công ty, cụ thể chi tiết như sau :

THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		
Họ và tên	**Chức vụ**	**Số tiền**
Ông Phạm Thanh Tùng	CT.HĐQT từ T1-T6/2020	54.000.000
Ông Lê Hoàng	CT.HĐQT từ T7-T12/2020	54.000.000
Ông Nguyễn Văn Chung	TV.HĐQT	72.000.000
Ông Lê Văn Năm	TV.HĐQT	72.000.000
Ông Trần Thanh Văn	TV.HĐQT	72.000.000
TỔNG CỘNG		**324.000.000**

THÙ LAO BAN KIỂM SOÁT		
Họ và tên	**Chức vụ**	**Số tiền**
Bà Trần Thị Kiều Ly	TV. BKS	48.000.000
Bà Vũ Thị Mai Nhung	TV.BKS	48.000.000
TỔNG CỘNG		**96.000.000**

Lương, phụ cấp Tổng Giám đốc	598.960.000
Lương, phụ cấp HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng	***1.782.300.000***

Các nội dung khác:

HĐQT đã thực hiện tốt việc phối hợp, kịp thời cung cấp các hồ sơ, tài liệu, thông tin… theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ của mình trong quản lý điều hành doanh nghiệp.

Công tác đoàn thể: HĐQT tạo điều kiện để các hoạt động của Đảng ủy, Công đoàn, Đoàn Thanh niên… đóng góp tích cực trong việc động viên cán bộ công nhân viên tích cực thi đua sản xuất, thực hành tiết kiệm trong mọi lĩnh vực; phát huy truyền thống, văn hoá doanh nghiệp của PINACO.

2. Báo cáo Ban kiểm soát

2.1 Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát:

a) Cơ cấu Ban kiểm soát (nhiệm kỳ 2017-2022)

Gồm 03 thành viên (một Trưởng ban và hai thành viên), như sau:

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Trưởng BKS	Bổ nhiệm ngày 27/4/2017
2	Bà Trần Thị Kiều Ly	Thành viên BKS	Bổ nhiệm ngày 27/4/2017
3	Bà Vũ Thị Mai Nhung	Thành viên BKS	Bổ nhiệm ngày 21/4/2018

b) Hoạt động của Ban kiểm soát.

- Trong năm 2020, BKS đã tổ chức 07 cuộc họp với sự tham gia đầy đủ các thành viên (Chi tiết theo Phụ lục – Bảng 1 đính kèm).

- Ban kiểm soát có đại diện tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị:

  + Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và hệ thống quản lý Công ty;

  + Giám sát việc chấp hành các Nghị quyết/ Quyết định của Đại hội đồng cổ đông/ Hội đồng quản trị; Điều lệ Công ty; Nghị quyết, quyết định, quy chế, chỉ thị của Tập đoàn/ Công ty;

  + Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 của công ty;

  + Xem xét Báo cáo tài chính quý, năm của Công ty;

  + Đánh giá việc chấp hành pháp luật về quản lý và sử dụng vốn; việc ban hành và thực hiện Quy chế tài chính, Quy định nội bộ của Doanh nghiệp, việc phân chia lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ;

2.2. Báo cáo kết quả giám sát của Ban kiểm soát:

Thông qua các báo cáo quản lý nội bộ, các cuộc họp thường xuyên và định kỳ của Hội đồng quản trị, các Nghị quyết do Hội đồng quản trị ban hành, các cuộc họp giao ban cuối tháng của Công ty, các văn bản, hồ sơ, tài liệu… gửi cho Ban kiểm soát, các văn bản chính sách và kết quả kiểm toán nội bộ, Ban kiểm soát có một số ý kiến như sau:

a) Về tổ chức bộ máy.

Trong năm 2020, cơ cấu Hội đồng quản trị gồm năm thành viên (một Chủ tịch và bốn thành viên) và thay đổi như sau:

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Phạm Thanh Tùng	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 27/06/2020
2	Ông Lê Hoàng	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 27/06/2020
3	Ông Lê Văn Năm	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 20/4/2019
4	Ông Nguyễn Văn Chung	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 27/4/2017
5	Ông Shinichiro Ota	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 27/4/2017
6	Ông Trần Thanh Văn	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 27/4/2017

Ban kiểm soát đã tham gia giám sát quá trình bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị theo đúng Điều lệ Công ty và trình tự thủ tục bầu cử theo thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông quyết định.

b) Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát Công ty.

- Chế độ thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát: Thực hiện đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, trong đó:

  + Chủ tịch HĐQT: 9.000.000 đồng/tháng.

  + Thành viên HĐQT: 6.000.000 đồng/tháng.

  + Thành viên BKS: 4.000.000 đồng/tháng.

- Thù lao, lương và phụ cấp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng Công ty là: 2.801.260.000 đồng.

c) Tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2020.

Năm 2020, tất cả các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu và lợi nhuận chỉ đạt từ 92% trở lên so với kế hoạch đã đề ra.

Lý do: *Năm 2020, sự bùng phát của đại dịch Covid-19 khiến nền kinh tế thế giới rơi vào suy thoái sâu, làm xã hội bất ổn. Đến nay tình hình dịch bệnh vẫn còn diễn biến hết sức phức tạp, khó lường.*

Tại Việt Nam, hai đợt dịch bùng phát nghiêm trọng cùng với sự xuất hiện liên tiếp nhiều cơn bão, lũ lụt làm sạt lở nhiều nơi ở khu vực miền Trung và Tây Nguyên làm suy giảm tăng trưởng và gây thiệt hại rất lớn cho nền kinh tế trong nước.

Năm 2020, tiếp tục là một năm đầy khó khăn và thử thách đối với Pinaco; Trước tình hình doanh thu liên tục sụt giảm ở cuối quý 2 và đầu quý 3, để thúc đẩy bán hàng Công ty đã tăng cường công tác chiết khấu thương mại, chi phí bán hàng.

Vì vậy: *Doanh thu đạt 94% (so với kế hoạch) và lợi nhuận trước thuế đạt 92% (so với kế hoạch).*

d) Thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

- Đối với Hội đồng quản trị (HĐQT):

+ Đã quản lý, chỉ đạo hoạt động của đơn vị theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Nghị quyết của Đại hội cổ đông đề ra, cụ thể như sau:

+ Đã quyết liệt chỉ đạo thực hiện kế hoạch SXKD năm 2020 đạt hiệu quả khá tốt so với tình hình chung của nền kinh tế và các đơn vị cùng ngành.

+ Đã sửa đổi, bổ sung 02 Quy chế (Quy chế tài chính Công ty và Quy chế trả lương, thưởng và phụ cấp) và ban hành 44 Nghị quyết, Quyết định phục vụ công tác quản lý và điều hành hoạt động SXKD của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật, chỉ đạo của cấp trên.

+ Tiếp tục chỉ đạo sửa đổi, bổ sung và ban hành mới Điều lệ công ty, một số Quy chế nội bộ công ty,… quy định nhằm phù hợp với tình hình hoạt động SXKD Công ty, Luật Chứng khoán số 2019 và Luật Doanh nghiệp 2020 ban hành hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2021.

+ Công ty đã tạm dừng tổ chức triển khai thực hiện chủ trương thoái vốn của Cổ đông 51% và chờ ý kiến chỉ đạo của cơ quan cấp trên và các ban ngành có liên quan.

- Hoạt động quản lý điều hành của Tổng giám đốc:

Đã thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Pháp luật Nhà nước, Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty; đa số các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty ban hành đã được triển khai thực hiện.

Thực hiện kế hoạch SXKD năm 2020:

Doanh thu đạt *94% (so với kế hoạch) và lợi nhuận trước thuế* đạt *92% (so với kế hoạch).*

Công tác tổ chức quản lý.

Công ty đã tổ chức Hội nghị Người lao động để CB.CNLĐ tham gia đóng góp ý kiến và tiến tới ký kết những nội dung sửa đổi, bổ sung Thỏa ước lao động tập thể năm 2020, quy định khen thưởng số 349/PA-CĐ ngày 30/5/2020 giữa Tổng giám đốc (NSDLĐ) và Công đoàn đại diện cho người lao động; Đồng thời đăng ký nội quy lao động theo văn bản số 1877/SLĐTBXH-LĐ ngày 13/6/2019 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Công ty tiếp tục triển khai thực hiện việc trích quỹ phúc lợi giao cho Tổ chức Công đoàn lập quỹ mua cổ phiếu PAC để tạo sự gắn kết giữa Công ty và người lao động.

Công tác tổ chức quản lý.

Trong năm 2020, Công ty đang thực hiện 10 dự án đầu tư xây dựng, trong đó 7 dự án là công trình chuyển tiếp từ năm trước và 3 công trình đầu tư mới. Tổng giá trị kế hoạch năm 2020 là 45.880 triệu đồng; Tổng giá trị thực hiện năm 2020 là 43.863 triệu đồng; trong đó giá trị giải ngân năm 2020 là 10.195 triệu đồng;

Thực hiện công tác nhân sự, lao động tiền lương.

Trong năm qua, Công ty đã rà soát và kiện toàn công tác nhân sự đối với chức danh Người quản lý và quản lý cấp trung Công ty; Triển khai công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại nhân sự; Cơ cấu lại tổ chức, sắp xếp lại một số phòng ban chuyên môn một cách kịp thời, phù hợp với tình

hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và quy định của pháp luật có liên quan.

Tổng số Cán bộ công nhân viên tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 1.201 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 1.179 người), tăng 22 người chiếm tỷ lệ 101,87%.

Tổng quỹ tiền lương thực hiện năm 2020 của người lao động và người quản lý là 237.271.640.000 đồng.

2.3. Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán:

a) Ý kiến kiểm toán:

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH KPMG Việt Nam, địa chỉ: Tầng 10, Tòa nhà SUN Wah, số 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Ý kiến kiểm toán độc lập: Được trình bày tại "Báo cáo kiểm toán độc lập" số 20-01-00366/2*2-21-1 ngày 08/03/2021.

b) Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Báo cáo tài chính năm 2020 lập ngày 20/01/2021 của Công ty cổ phần Pin Ắc quy Miền Nam đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam theo quy định của pháp luật, bao gồm:

- Báo cáo kiểm toán độc lập ngày 08 tháng 03 năm 2021.
- Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020;
- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020;
- Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2020.

Chi tiết xin đăng tải tại Website của Công ty: www.pinaco.com.vn

2.4. Kiến nghị , kết luận chung.

a) Đánh giá chung.

Công ty đã tuân thủ các quy định pháp luật trong hoạt động quản lý Công ty cũng như trong các giao dịch. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Công ty không phát sinh tranh chấp nào liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư dự án.

Chế độ hạch toán kế toán tuân thủ về cơ bản theo chuẩn mực kế toán hiện hành, lập và nộp các báo cáo kế toán kịp thời cho các cấp thẩm quyền.

Công ty đã thực hiện đầy đủ chế độ công bố thông tin đối với Công ty niêm yết theo đúng quy định.

b) Kiến nghị.

Về tình hình tài chính: Ban điều hành Công ty cần xem xét, cân nhắc và cơ cấu lại khoản mục tài sản ngắn hạn, vay ngắn hạn, vay dài hạn để đảm bảo tỷ lệ Nợ phải trả/ Vốn Chủ sở hữu giảm cũng như tăng tính thanh khoản của tài sản ngắn hạn nhằm tránh áp lực phải vay trung dài hạn hoặc thuê tài chính phát sinh nhiều làm chi phí lãi vay tăng cao.

Về chủ trương thoái vốn: Ban điều hành Công ty cần khẩn trương triển khai việc thoái vốn khỏi Công ty Bất Động Sản Thịnh Phát liên quan khu đất 752 Hậu Giang, Phường 12, Quận 6 theo Nghị quyết số 384/NQ-HĐQT/2018 ngày 24/07/2018 của Hội đồng quản trị Công ty và quy định pháp luật có liên quan về đất đai, nhằm bảo toàn được vốn đầu tư.

Tiếp tục rà soát, cập nhật nhằm hoàn thiện các quy chế hiện hành (như Quy chế tổ chức cán bộ, Quy chế quản lý đầu tư,….), sớm ban hành quy chế mới (như Quy chế quản lý mua sắm nguyên vật liệu - vật tư - phụ tùng,..) phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và tình hình thực tế hiện nay của Công ty.

Duy trì việc kiểm tra định kỳ, đột xuất việc chấp hành các nội quy, quy định, các quy chế, các trình tự thủ tục hồ sơ, chứng từ của Công ty, chính sách pháp luật của Nhà nước tại các phòng ban Công ty, xí nghiệp và Chi nhánh nhằm tránh việc sai sót không được công nhận là chi phí hợp lý hợp lệ.

Tiếp tục có các biện pháp quản lý hợp lý và hiệu quả trong quản lý sản xuất, quản lý chất lượng, quản lý chi phí,… đảm bảo tồn kho hợp lý; duy trì và làm tốt việc thực hiện tiết kiệm các chi phí như: Năng lượng, chi phí nguyên vật liệu, dụng cụ đưa vào sản xuất…, chi phí quản lý nhằm hạ giá thành sản phẩm,… qua đó đem lại hiệu quả cao nhất cho Công ty.

Tiếp tục chú trọng xây dựng công tác dự báo tiêu thụ, kế hoạch vật tư, sản xuất nhằm nắm vững và chỉ đạo kịp thời kế hoạch sản xuất kinh doanh của đơn vị, chủ động điều tiết bán hàng và giá cả hợp lý trên thị trường.

Tiếp tục chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, có chính sách phù hợp giữ được người tài, xây dựng chính sách cán bộ và luân chuyển cán bộ hợp lý, phù hợp với hiện tại và yêu cầu phát triển của Công ty.

3. Kế hoạch công tác năm 2021 của Ban kiểm soát

3.1 Nhiệm vụ chung:

Ban kiểm soát Công ty thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

Trong năm 2021, Ban kiểm soát sẽ tiến hành kiểm soát định kỳ hàng quý, thời gian cụ thể sẽ được thông báo tới Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các phòng ban chức năng chuẩn bị hồ sơ, tài liệu trước ít nhất là 01 tuần. Ngoài ra nếu có dấu hiệu vi phạm chế độ và Điều lệ công ty Ban kiểm soát sẽ tiến hành làm việc kịp thời để có thông báo với Hội đồng quản trị và báo cáo Đại hội đồng cổ đông.

3.2 Nhiệm vụ cụ thể từng Quý:

a) Quý I

- Thẩm định báo cáo Tài chính năm 2020.
- Xem xét tính hợp lý của các văn bản quản lý nội bộ của Công ty đã ban hành trong năm 2020.
- Báo cáo quá trình hoạt động kiểm soát theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty trước Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- Báo cáo đánh giá quá trình quản lý công ty của Hội đồng quản trị và điều hành của Tổng giám đốc.

b) Quý II

- Thẩm định Báo cáo tài chính Quý I năm 2021, tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh quý I năm 2021.
- Kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên đề ra.
- Xem xét việc ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế, việc triển khai các dự án đầu tư, các định mức đơn giá giao khoán, quy chế trả lương và các quy chế quy định khác theo đúng quy định của Nhà nước và Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty.

c) Quý III

- Thẩm định Báo cáo tài chính Quý II năm 2021, tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh quý II năm 2021.
- Kiểm tra việc ký kết, thực hiện các hợp đồng kinh tế.

d) Quý IV

- Thẩm định Báo cáo tài chính Quý III năm 2021, tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh quý III năm 2021.

- Kiểm tra việc thực hiện các dự án đầu tư.
- Kiểm tra tình hình trả lương và chế độ cho người lao động, công tác thu hồi vốn, công nợ.

PHỤ LỤC

(Báo cáo của Ban Kiểm Soát)

*** Bảng 1:**

STT	Số biên bản	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ tham gia
1	01/BBH-BKS/2020	29/02/2020	- Thống nhất triển khai công tác kiểm tra số liệu BCTC năm 2019 và dự thảo văn bản đề xuất Công ty cung cấp hồ sơ tài liệu phục vụ thẩm tra BCTC năm 2019.	3/3
2	02/BBH-BKS/2020	21/03/2020	- Báo cáo sơ lược công tác kiểm tra số liệu BCTC năm 2019. - Thông qua Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS Cty CP Pin Ắc qui Miền Nam. - Thống nhất Tờ trình đề xuất Công ty cung cấp tài liệu liên quan đến việc thoái vốn.	3/3
3	03/BBH-BKS/2020	30/03/2020	- Thống nhất dự thảo Biên bản thẩm tra kết quả kiểm tra các hoạt động tài chính Công ty năm 2019 (lần 1) - Triển khai công tác phân công lập Báo cáo thẩm định gửi Tập đoàn HCVN; Báo cáo hoạt động của BKS và Tờ trình "Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2020" trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.	3/3
4	04/BBH-BKS/2020	11/06/2020	- Thống nhất dự thảo Biên bản thẩm tra kết quả kiểm tra các hoạt động tài chính Công ty năm 2019 (lần 2)	3/3
5	05/BBH-BKS/2020	22/06/2020	- Xem xét, lựa chọn Đơn vị kiểm toán BCTC năm 2020. - Xem xét thông qua báo cáo Ban kiểm soát trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.	3/3
6	06/BBH-BKS/2020	13/07/2020	- Thống nhất lựa chọn Đơn vị kiểm toán BCTC năm 2020 và dự thảo Tờ trình gửi HĐQT Công ty.	3/3
7	07/BBH-BKS/2020	26/08/2020	- Thống nhất triển khai công tác kiểm tra số liệu BCTC quý II và 06 tháng năm 2020 Và dự thảo văn bản đề xuất Công ty cung cấp hồ sơ tài liệu phục vụ thẩm tra BCTC 06 tháng năm 2020.	3/3

*** Bảng 2:**

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Các chỉ tiêu	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	So sánh (%)	
					Cùng kỳ	Kế hoạch
1	Tổng doanh thu	3.541	3.670	3.449	97,4%	94,0%
2	Lợi nhuận trước thuế	212	205	190	89,4%	92,7%
3	Cổ tức	20%	≥ 15%	(*) 15%	75,0	100,0
4	Vốn điều lệ (làm tròn số)	465	…	465	100	…

Ghi chú: *(*) Cổ tức đã chi trả 10% bằng tiền mặt, dự kiến chia thêm 5% và chờ ĐHCĐ thông qua.*



TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 04 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM

Người đại diện theo pháp luật

TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ VĂN NĂM

KPMG

Công ty Cổ phần Pin Ắc quy Miền Nam

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2020

Công ty Cổ phần Pin Ắc quy Miền Nam
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Pin Ắc quy Miền Nam ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

(a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 42 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính; và

(b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM

Lê Văn Năm
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 3 năm 2021

KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Pin Ắc quy Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm Công ty Cổ phần Pin Ắc quy Miền Nam ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 8 tháng 3 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 42.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Pin Ắc quy Miền Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán ngày 17 tháng 3 năm 2020.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 20-01-00366/2*2-21-1

Chang Hung Chun	Nguyễn Thanh Nghị
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề Kiểm toán số 0863-2018-007-1	Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề Kiểm toán số 0304-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc	

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 3 năm 2021

Công ty Cổ phần Pin Ắc quy Miền Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	**100**		**1.728.172.294.801**	**1.771.470.476.714**
Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**4**	**149.345.138.970**	**186.481.253.593**
Tiền	111		149.345.138.970	141.247.146.439
Các khoản tương đương tiền	112		-	45.234.107.154
Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**673.414.528.953**	**656.729.740.504**
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	673.414.528.953	656.729.740.504
Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**165.494.131.114**	**142.888.444.563**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	63.162.858.180	83.230.245.964
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	59.094.539.985	27.391.535.423
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	44.617.391.415	32.806.005.575
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(1.436.551.094)	(559.800.418)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		55.892.628	20.458.019
Hàng tồn kho	**140**	**10**	**690.614.750.197**	**737.093.716.679**
Hàng tồn kho	141		693.487.597.550	752.684.964.176
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.872.847.353)	(15.591.247.497)
Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**49.303.745.567**	**48.277.321.375**
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		6.815.924.928	2.828.088.073
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	19(b)	42.487.820.639	45.449.233.302

Công ty Cổ phần Pin Ắc quy Miền Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	**200**		**672.057.395.120**	**711.273.921.029**
Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**3.199.200.000**	**6.658.733.987**
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	5.552.843.775
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	1.657.935.376
Phải thu dài hạn khác	216		3.199.200.000	2.771.200.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	9	-	(3.323.245.164)
Tài sản cố định	**220**		**544.845.481.717**	**571.256.987.857**
Tài sản cố định hữu hình	221	11	324.003.084.661	348.891.560.781
Nguyên giá	222		*1.081.563.315.394*	*1.035.299.631.898*
Giá trị hao mòn lũy kế	223		*(757.560.230.733)*	*(686.408.071.117)*
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	12	5.069.570.731	-
Nguyên giá	225		*5.245.962.075*	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		*(176.391.344)*	-
Tài sản cố định vô hình	227	13	215.772.826.325	222.365.427.076
Nguyên giá	228		*263.190.870.706*	*262.770.870.706*
Giá trị hao mòn lũy kế	229		*(47.418.044.381)*	*(40.405.443.630)*
Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**40.255.912.553**	**45.524.928.011**
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	40.255.912.553	45.524.928.011
Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**32.500.000.000**	**32.500.000.000**
Đầu tư vào công ty liên kết	252	15	32.500.000.000	32.500.000.000
Tài sản dài hạn khác	**260**		**51.256.800.850**	**55.333.271.174**
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	17.029.953.711	22.250.366.085
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	3.750.859.690	6.030.112.396
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	10	30.475.987.449	27.052.792.693
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**2.400.229.689.921**	**2.482.744.397.743**

Công ty Cổ phần Pin Ắc quy Miền Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	**300**		**1.669.933.120.336**	**1.814.305.526.581**
Nợ ngắn hạn	**310**		**1.601.462.784.134**	**1.735.679.601.937**
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	136.175.222.516	219.520.294.956
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		83.577.304.793	24.933.996.672
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19(a)	5.734.481.491	13.563.461.160
Phải trả người lao động	314		93.753.078.426	77.937.248.842
Chi phí phải trả	315	20	32.471.409.855	24.441.158.767
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	7.099.417.925	5.455.641.776
Vay ngắn hạn	320	22(a)	1.226.100.136.505	1.355.990.123.377
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	23	10.165.026.008	9.090.947.990
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	24	6.386.706.615	4.746.728.397
Nợ dài hạn	**330**		**68.470.336.202**	**78.625.924.644**
Phải trả người bán dài hạn	331		-	6.531.292.532
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	169.632.112
Phải trả dài hạn khác	337		420.000.000	420.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22(b)	68.050.336.202	71.505.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	**400**		**730.296.569.585**	**668.438.871.162**
Vốn chủ sở hữu	**410**	**25**	**730.296.569.585**	**668.438.871.162**
Vốn cổ phần	411	26	464.717.070.000	464.717.070.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*464.717.070.000*	*464.717.070.000*
Thặng dư vốn cổ phần	412		1.584.699.224	1.584.699.224
Quỹ đầu tư phát triển	418		161.626.946.846	83.280.322.025
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		102.367.853.515	118.856.779.913
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	*421a*		*256.806.949*	*21.869.393.986*
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	*421b*		*102.111.046.566*	*96.987.385.927*
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**2.400.229.689.921**	**2.482.744.397.743**

Ngày 8 tháng 3 năm 2021

Người lập:		Người duyệt:
Nguyễn Văn Diệp	Nguyễn Duy Hưng	Lê Văn Năm
Phó phòng Kế toán – Tài chính	*Kế toán trưởng*	*Tổng Giám đốc*

Công ty Cổ phần Pin Ắc quy Miền Nam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 02 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
Doanh thu bán hàng	**01**	**29**	**3.449.081.662.295**	**3.541.175.254.529**
Các khoản giảm trừ doanh thu	**02**	**29**	**495.063.514.894**	**462.188.459.375**
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	**10**	**29**	**2.954.018.147.401**	**3.078.986.795.154**
Giá vốn hàng bán	**11**	**30**	**2.506.020.952.550**	**2.617.216.890.022**
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	**20**		**447.997.194.851**	**461.769.905.132**
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	55.413.913.065	55.435.810.762
Chi phí tài chính	22	32	68.971.091.758	63.524.083.220
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		*60.775.575.264*	*58.854.664.231*
Chi phí bán hàng	25	33	195.909.646.390	195.200.412.342
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	49.707.851.117	52.335.316.115
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	**30**		**188.822.518.651**	**206.145.904.217**
Thu nhập khác	31		763.497.610	10.572.027.420
Chi phí khác	32		78.754.126	4.736.829.287
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	**40**		**684.743.484**	**5.835.198.133**
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**189.507.262.135**	**211.981.102.350**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**51**	**36**	**38.645.255.863**	**46.067.273.543**
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	**52**	**36**	**2.279.252.706**	**(781.117.620)**
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	**60**		**148.582.753.566**	**166.694.946.427**
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**37**	**2.878**	**3.228**

Ngày 8 tháng 3 năm 2021

Người lập:		Người duyệt:
Nguyễn Văn Diệp	Nguyễn Duy Hưng	Lê Văn Năm
Phó phòng Kế toán – Tài chính	*Kế toán trưởng*	*Tổng Giám đốc*

Công ty Cổ phần Pin Ắc quy Miền Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	**01**		**189.507.262.135**	**211.981.102.350**
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		81.200.199.597	86.202.705.545
Các khoản dự phòng	03		3.047.332.637	9.494.878.602
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		81.864.156	97.072.692
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(50.064.373.946)	(47.078.053.345)
Chi phí lãi vay	06		60.775.575.264	58.854.664.231
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	**08**		**284.547.859.843**	**319.552.370.075**
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09		(17.515.971.595)	(23.725.244.070)
Biến động hàng tồn kho	10		55.774.171.870	(78.081.310.429)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		20.308.249.100	97.209.449.679
Biến động chi phí trả trước	12		1.232.575.519	(7.221.689.870)
			344.346.884.737	**307.733.575.385**
Tiền lãi vay đã trả	14		(59.938.572.077)	(63.700.876.093)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(44.144.428.632)	(39.620.887.199)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(15.377.516.425)	(14.302.458.719)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	**20**		**224.886.367.603**	**190.109.353.374**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21		(96.061.679.902)	(164.626.196.216)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		53.100.000	858.506.818
Tiền chi gửi các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và công ty tài chính	23		(457.524.107.154)	(200.265.000.000)
Tiền thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và công ty tài chính	24		464.620.608.504	218.237.648.820
Tiền thu lãi tiền gửi	27		29.852.540.552	12.711.878.991
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	**30**		**(59.059.538.000)**	**(133.083.161.587)**

Công ty Cổ phần Pin Ắc quy Miền Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		2.747.755.522.966	2.957.687.767.898
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.880.312.435.752)	(2.841.754.482.424)
Tiền trả cổ tức	36		(69.706.145.475)	(92.943.414.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	**40**		**(202.263.058.261)**	**22.989.871.474**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	**50**		**(36.436.228.658)**	**80.016.063.261**
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	**60**		**186.481.253.593**	**106.946.601.326**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	**61**		**(699.885.965)**	**(481.410.994)**
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	**70**	**4**	**149.345.138.970**	**186.481.253.593**

Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư

	2020 VND	2019 VND
Mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác nhưng chưa thanh toán	33.422.409.337	79.964.411.240
Thu nhập từ tiền lãi của các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và công ty tài chính nhập gốc	23.781.289.799	42.203.035.445

Ngày 8 tháng 3 năm 2021

Người lập:		Người duyệt:
Nguyễn Văn Diệp	Nguyễn Duy Hưng	Lê Văn Năm
Phó phòng Kế toán – Tài chính	*Kế toán trưởng*	*Tổng Giám đốc*

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Pin Ắc quy Miền Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 69/UBCK-GPNY ngày 9 tháng 11 năm 2006 của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước với mã cổ phiếu là PAC.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và phân phối pin và ắc quy.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020, Công ty có 1 công ty liên kết như sau:

Công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ	Phần trăm lợi ích kinh tế	
			31/12/2020	1/1/2020
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thịnh Phát	Kinh doanh bất động sản, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.	752 Hậu Giang, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chính Minh	26,00%	26,00%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020, Công ty có trụ sở đăng ký tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; 2 chi nhánh tại Hà Nội và Đà Nẵng và 3 xí nghiệp sản xuất ắc quy và 1 xí nghiệp sản xuất pin tại Thành phố Hồ Chí Minh và Đồng Nai.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 1.201 nhân viên (1/1/2020: 1.179 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

Các chính sách kế toán dùng lập báo cáo tài chính này nhất quán với các chính sách dùng lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng và công ty tài chính. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

(ii) Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà khách hàng khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 – 12 năm
▪ phương tiện vận tải	6 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	2 – 10 năm
▪ tài sản khác	4 – 8 năm

(g) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(f).

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

(ii) Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

(iii) Tài sản khác

Nguyên giá của tài sản vô hình khác bao gồm giá mua của phí chuyển giao công nghệ và phí tư vấn quản trị nhân sự được vốn hóa và hạch toán là tài sản vô hình. Nguyên giá của tài sản vô hình khác được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí quảng cáo và các chi phí khác phát sinh nhằm phục vụ cho hoạt động bán hàng của Công ty. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(k) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn là thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định được sử dụng cho sản xuất của doanh nghiệp. Trị giá của thiết bị, phụ tùng thay thế dài hạn khi xuất dùng được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn của Công ty được trích lập theo quy định kế toán hiện hành và được ghi giảm với giá gốc của các thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn này. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn lỗi thời, hư hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

(l) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả cho nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Chi phí bảo hành

Dự phòng về chi phí bảo hành của Công ty liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra trong năm kế toán. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về trung bình tỷ lệ số lượng sản phẩm bảo hành trên tổng số lượng sản phẩm bán ra qua các năm và chi phí bảo hành trung bình cho một sản phẩm.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế vào mỗi kỳ theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được dành riêng để chi trả tiền thưởng và các phúc lợi khác cho nhân viên Công ty.

(p) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(q) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích từ lợi nhuận sau thuế vào mỗi kỳ theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được trích lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh pin và ắc quy.

(s) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh. Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa tiêu thụ trong năm, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(t) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(u) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(v) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Công ty không có cổ phiếu suy giảm giá trị tiềm ẩn.

Lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi.

(w) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(x) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tiền mặt	1.283.975.684	1.347.698.234
Tiền gửi ngân hàng	148.061.163.286	139.899.448.205
Các khoản tương đương tiền	-	45.234.107.154
	149.345.138.970	186.481.253.593

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá ba tháng.

5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng và các công ty tài chính có thời gian đáo hạn trên ba tháng kể từ ngày giao dịch nhưng dưới một năm từ ngày cuối năm và hưởng lãi suất năm dao động từ 6,70% đến 8,50% (2019: 5,00% đến 8,50%).

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Ông Chea Se	11.927.648.312	16.318.777.115
Công ty TNHH Ắc quy Vĩnh Phúc	8.081.312.800	6.347.673.200
Faith Chemical Enterprises	6.796.258.149	4.170.190.698
Công ty TNHH Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Du lịch Trường Hải	6.278.633.840	7.966.263.800
Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam	5.134.900.815	6.410.457.164
Các khách hàng khác	24.944.104.264	42.016.883.987
	63.162.858.180	83.230.245.964

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Kae Lii Machine Mfg Co Ltd	13.422.943.528	-
Công ty TNHH Luyện Kim Thăng Long	10.058.050.076	-
Lagardere Sports Asia PTE. Ltd	7.800.810.000	-
Sorin Corporation	50.836.489	9.607.739.646
Wirtz Manufacturing Co	-	3.215.620.947
Các nhà cung cấp khác	27.761.899.892	14.568.174.830
	59.094.539.985	27.391.535.423

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Phải thu lãi tiền gửi	26.934.728.520	30.557.284.925
Tạm ứng cho nhân viên	2.654.283.210	1.983.167.467
Phải thu khác	15.028.379.685	265.553.183
	44.617.391.415	32.806.005.575

9. Dự phòng phải thu khó đòi

Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:				
Faith Chemical Enterprises	Từ 6 tháng đến 1 năm	2.404.568.597	721.370.579	1.683.198.018
Công ty TNHH MTV Sản xuất Xe Bus THACO	Từ 6 tháng đến 2 năm	755.561.180	334.562.822	420.998.358
Các khách hàng khác	Từ 6 tháng trở lên	506.339.520	380.617.693	125.721.827
		3.666.469.297	1.436.551.094	2.229.918.203

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Ngày 1 tháng 1 năm 2020	Quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:				
Công ty TNHH MTV Sản xuất Xe Bus THACO	Từ 6 tháng đến 1 năm	1.039.283.520	311.785.056	727.498.464
Công ty TNHH Ford Việt Nam	Từ 6 tháng đến 1 năm	612.139.990	183.641.997	428.497.993
Các khách hàng khác	Từ 6 tháng đến 1 năm	214.577.883	64.373.365	150.204.518
		1.866.001.393	559.800.418	1.306.200.975
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi:				
Faith Chemical Enterprises	Từ 1 năm đến 3 năm	3.806.514.486	2.401.605.837	1.404.908.649
Công ty TNHH MTV Sản xuất Xe Bus THACO	Từ 1 năm đến 3 năm	1.213.468.080	606.734.040	606.734.040
Các khách hàng khác	Từ 1 năm đến 3 năm	328.352.082	314.905.287	13.446.795
		5.348.334.648	3.323.245.164	2.025.089.484
		7.214.336.041	3.883.045.582	3.331.290.459

Biến động trong năm của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	3.883.045.582	4.311.641.062
Số trích lập trong năm	45.914.400	1.165.696.124
Số hoàn nhập trong năm	(2.492.408.888)	(1.594.291.604)
Số dư cuối năm	1.436.551.094	3.883.045.582

10. Hàng tồn kho và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

	31/12/2020		1/1/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	88.479.588.489	-	161.842.158.166	-
Nguyên vật liệu	211.678.052.000	-	242.673.021.577	-
Công cụ và dụng cụ	9.315.441.016	-	11.819.841.886	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	121.039.769.130	-	160.227.659.356	-
Thành phẩm	262.430.807.483	(2.872.847.353)	175.622.099.177	(6.106.909.839)
Hàng hóa	543.939.432	-	500.184.014	-
Hàng tồn kho	693.487.597.550	(2.872.847.353)	752.684.964.176	(6.106.909.839)
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	30.475.987.449	-	27.052.792.693	(9.484.337.658)

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá của các tài sản trên như sau:

Hàng tồn kho	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	6.106.909.839	4.568.526.071
Số trích lập trong năm	-	1.538.383.768
Số hoàn nhập trong năm	(3.234.062.486)	-
Số dư cuối năm	2.872.847.353	6.106.909.839

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	9.484.337.658	-
Số trích lập trong năm	-	9.484.337.658
Số sử dụng trong năm	(1.945.482.372)	-
Số hoàn nhập trong năm	(7.538.855.286)	-
Số dư cuối năm	-	9.484.337.658

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	178.445.140.643	809.184.285.387	31.511.564.685	13.255.063.629	2.903.577.554	1.035.299.631.898
Mua sắm trong năm	18.740.000	4.090.232.110	439.600.000	-	-	4.548.572.110
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 14)	15.333.423.330	28.206.079.342	1.034.656.600	-	-	44.574.159.272
Thanh lý trong năm	-	(2.859.047.886)	-	-	-	(2.859.047.886)
Số dư cuối năm	193.797.303.973	838.621.548.953	32.985.821.285	13.255.063.629	2.903.577.554	1.081.563.315.394
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	97.329.962.950	555.405.832.869	20.957.451.219	10.582.879.016	2.131.945.063	686.408.071.117
Khấu hao trong năm	10.766.693.997	59.955.836.465	2.482.874.583	555.146.107	250.656.350	74.011.207.502
Thanh lý trong năm	-	(2.859.047.886)	-	-	-	(2.859.047.886)
Số dư cuối năm	108.096.656.947	612.502.621.448	23.440.325.802	11.138.025.123	2.382.601.413	757.560.230.733
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	81.115.177.693	253.778.452.518	10.554.113.466	2.672.184.613	771.632.491	348.891.560.781
Số dư cuối năm	85.700.647.026	226.118.927.505	9.545.495.483	2.117.038.506	520.976.141	324.003.084.661

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá là 475.188 triệu VND đã khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 (1/1/2020: 394.984 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 35.467 triệu VND (1/1/2020: 40.280 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 22).

12. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Tăng trong năm	4.250.350.930	995.611.145	5.245.962.075
Số dư cuối năm	4.250.350.930	995.611.145	5.245.962.075
Giá trị hao mòn lũy kế			
Khấu hao trong năm	171.291.465	5.099.879	176.391.344
Số dư cuối năm	171.291.465	5.099.879	176.391.344
Giá trị còn lại			
Số dư cuối năm	4.079.059.465	990.511.266	5.069.570.731

Công ty thuê một số thiết bị sản xuất theo các hợp đồng thuê tài chính khác nhau. Đến cuối giai đoạn thuê của từng hợp đồng thuê, Công ty có quyền lựa chọn mua lại những thiết bị này với giá ưu đãi. Thiết bị thuê được dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê (Thuyết minh 22).

13. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vi tính VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	247.954.936.198	9.597.155.852	5.218.778.656	262.770.870.706
Mua sắm trong năm	-	420.000.000	-	420.000.000
Số dư cuối năm	247.954.936.198	10.017.155.852	5.218.778.656	263.190.870.706
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	27.859.179.474	7.327.485.500	5.218.778.656	40.405.443.630
Khấu hao trong năm	5.572.058.509	1.440.542.242	-	7.012.600.751
Số dư cuối năm	33.431.237.983	8.768.027.742	5.218.778.656	47.418.044.381
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	220.095.756.724	2.269.670.352	-	222.365.427.076
Số dư cuối năm	214.523.698.215	1.249.128.110	-	215.772.826.325

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá là 10.765 triệu VND đã khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 (1/1/2020: 10.765 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tài sản vô định vô hình với giá trị còn lại là 17.342 triệu VND (1/1/2020: 17.886 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 22).

14. Xây dựng cơ bản dở dang

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	45.524.928.011	80.467.247.065
Mua sắm trong năm	39.305.143.814	93.917.657.160
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 11)	(44.574.159.272)	(116.278.185.432)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(12.581.790.782)
Số dư cuối năm	40.255.912.553	45.524.928.011

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Máy móc và thiết bị	33.387.093.697	41.230.983.930
Các công trình khác	6.868.818.856	4.293.944.081
	40.255.912.553	45.524.928.011

15. Đầu tư vào công ty liên kết

	31/12/2020		1/1/2020	
	% vốn chủ sở hữu	Giá gốc VND	% vốn chủ sở hữu	Giá gốc VND
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thịnh Phát	26.00%	32.500.000.000	26.00%	32.500.000.000

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có thông tin về giá thị trường của các khoản đầu tư góp vốn và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	6.764.119.881	15.486.246.204	22.250.366.085
Tăng trong năm	2.070.931.130	7.359.087.253	9.430.018.383
Phân bổ trong năm	(4.278.987.786)	(10.371.442.971)	(14.650.430.757)
Số dư cuối năm	4.556.063.225	12.473.890.486	17.029.953.711

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Thuế suất	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Dự phòng bảo hành	20%	2.033.005.202	1.818.189.598
Chi phí phải trả	20%	972.273.869	965.843.974
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	20%	574.569.471	3.118.249.499
Chênh lệch tỷ giá	20%	171.011.148	127.829.325
		3.750.859.690	6.030.112.396

18. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	31/12/2020 Giá gốc/số có khả năng trả nợ VND	1/1/2020 Giá gốc/số có khả năng trả nợ VND
Trafigura PTE LTD	28.653.346.901	104.033.236.640
Thai United Industry Company Ltd.	16.049.003.107	22.704.010.502
Công ty TNHH Thye Ming Việt Nam	7.772.635.180	6.291.528.899
Sorin Corporation Singapore PTE Ltd	-	10.224.189.403
Các nhà cung cấp khác	83.700.237.328	76.267.329.512
	136.175.222.516	219.520.294.956

(b) Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan

	31/12/2020 Giá gốc/số có khả năng trả nợ VND	1/1/2020 Giá gốc/số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	2.906.543.200	1.132.849.300
Công ty Cổ phần Hơi Kỹ Nghệ Que Hàn	8.162.000	30.217.000

Các khoản phải trả cho các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả trong vòng 45 ngày kể từ ngày hóa đơn.

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước và thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2020 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số cấn trừ trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2020 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	683.161.627.083	(543.182.787.234)	(139.978.839.849)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.221.478.038	38.645.255.863	-	(44.144.428.632)	7.722.305.269
Thuế thu nhập cá nhân	1.755.870.399	6.029.302.922	-	(8.198.429.674)	(413.256.353)
Phí thuê đất và các loại thuế khác	(1.413.887.277)	9.808.646.960	-	(9.969.327.108)	(1.574.567.425)
	13.563.461.160	737.644.832.828	(543.182.787.234)	(202.291.025.263)	5.734.481.491

(b) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

	1/1/2020 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số cấn trừ trong năm VND	Số hoàn trả trong năm VND	31/12/2020 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	45.449.233.302	540.221.374.571	(543.182.787.234)	-	42.487.820.639

20. Chi phí phải trả

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Chi phí hỗ trợ bán hàng và khuyến mãi	21.092.134.126	19.302.990.710
Chi phí vận chuyển	3.588.793.627	2.508.700.255
Chi phí lãi vay	2.416.071.234	1.579.068.047
Các khoản chi phí phải trả khác	5.374.410.868	1.050.399.755
	32.471.409.855	24.441.158.767

21. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Kinh phí công đoàn và bảo hiểm xã hội	1.970.749.740	1.889.050.464
Cổ tức	18.502.065	17.087.040
Các khoản phải trả khác	5.110.166.120	3.549.504.272
	7.099.417.925	5.455.641.776

22. Vay và nợ thuê tài chính

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2020		Biến động trong năm			31/12/2020	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Hoàn trả VND	Đánh giá lại chênh lệch tỷ giá VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay bên thứ ba	32.500.000.000	32.500.000.000	-	-	-	32.500.000.000	32.500.000.000
Vay ngân hàng	1.303.490.123.377	1.303.490.123.377	2.729.628.204.555	(2.864.220.457.725)	(787.737.884)	1.168.110.132.323	1.168.110.132.323
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 22(b))	20.000.000.000	20.000.000.000	21.581.982.209	(16.091.978.027)	-	25.490.004.182	25.490.004.182
	1.355.990.123.377	1.355.990.123.377	2.751.210.186.764	(2.880.312.435.752)	(787.737.884)	1.226.100.136.505	1.226.100.136.505

Vay bên thứ ba thể hiện khoản vay ngắn hạn, không đảm bảo và không chịu lãi suất từ Công ty Cổ phần Thương mại Địa ốc Việt với mục đích góp vốn vào Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thịnh Phát theo Hợp đồng vay tiền số: 01/HĐVT/VCR-PNC ngày 3 tháng 11 năm 2016 và phụ lục hợp đồng số: 01/2019/PLHĐ /VCR-PNC ngày 29 tháng 4 năm 2019. Theo phụ lục hợp đồng, khoản vay này đến hạn ngày 2 tháng 5 năm 2020. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty chưa hoàn tất thỏa thuận gia hạn thêm hợp đồng.

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngân hàng ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm 2020	Lãi suất năm 2019	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Vay ngân hàng không có đảm bảo					
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	VND	4,00% - 4,90%	5,60% - 7,90%	354.048.880.358	402.031.778.909
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	USD	2,00% - 3,25%	3,8%	156.889.941.054	84.917.300.539
Ngân hàng TMCP Quân Đội	USD	3,50%	3,80% - 4,90%	127.988.438.539	18.999.949.000
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	VND	3,70% - 4,50%	5,4%	123.570.624.904	70.258.060.703
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	USD	2,20% - 3,20%	3,30% - 4,60%	121.775.543.308	187.872.518.448
Ngân hàng Maybank Việt Nam	VND	3,20% - 4,30%	-	82.824.483.597	-
Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited	USD	2,10%	-	68.813.821.745	-
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	USD	2,50%	3,63% - 3,88%	45.431.631.728	69.660.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	4,00 - 4,30%	5,50% - 5,70%	35.142.542.687	226.614.415.070
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	USD	3,24% - 3,33%	3,80% - 4,20%	27.930.300.810	145.767.083.155
Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited	VND	3,00% - 4,15%	-	23.693.923.593	-
Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam	VND	-	5,35% - 5,50%	-	97.369.017.553
				1.168.110.132.323	1.303.490.123.377

(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	93.540.340.384	91.505.000.000
Vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 22(a))	(25.490.004.182)	(20.000.000.000)
Vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả sau 12 tháng	68.050.336.202	71.505.000.000

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm 2020	Lãi suất năm 2019	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (i)	VND	8,50% - 9,60%	9,10%	80.900.475.150	91.505.000.000
Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Vietcombank (ii)	VND	9,00%	-	12.639.865.234	-
				93.540.340.384	91.505.000.000

(i) Các khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 21 tờ bản đồ 67 xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Các tài sản này được ghi nhận ở tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ lần lượt là 35.467 triệu VND và 17.342 triệu VND (1/1/2020: 40.280 triệu VND và 17.886 triệu VND) (Thuyết minh 11 và Thuyết minh 13).

(ii) Các khoản nợ thuê tài chính từ Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Vietcombank không có đảm bảo. Nợ gốc và lãi sẽ được thanh toán theo chu kỳ hàng tháng theo lịch trả nợ. Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

	31/12/2020			1/1/2020		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Tiền lãi thuê VND	Nợ gốc VND	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Tiền lãi thuê VND	Nợ gốc VND
Trong vòng một năm	4.549.891.481	955.362.449	3.594.529.032	-	-	-
Trong vòng hai đến năm năm	10.112.749.319	1.067.413.117	9.045.336.202	-	-	-
	14.662.640.800	2.022.775.566	12.639.865.234	-	-	-

23. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Biến động của khoản dự phòng bảo hành trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	9.090.947.990	10.190.195.334
Số trích lập trong năm	18.212.227.269	17.820.409.890
Số sử dụng trong năm	(17.138.149.251)	(18.919.657.234)
Số dư cuối năm	10.165.026.008	9.090.947.990

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	4.746.728.397	2.911.165.144
Số trích lập trong năm	17.017.494.643	16.138.021.972
Số sử dụng trong năm	(15.377.516.425)	(14.302.458.719)
Số dư cuối năm	6.386.706.615	4.746.728.397

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	464.717.070.000	1.584.699.224	35.909.356.110	108.614.235.373	610.825.360.707
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	166.694.946.427	166.694.946.427
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	47.370.965.915	(47.370.965.915)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(16.138.021.972)	(16.138.021.972)
Cổ tức bằng tiền	-	-	-	(92.943.414.000)	(92.943.414.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	464.717.070.000	1.584.699.224	83.280.322.025	118.856.779.913	668.438.871.162
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	148.582.753.566	148.582.753.566
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	78.346.624.821	(78.346.624.821)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(17.017.494.643)	(17.017.494.643)
Cổ tức bằng tiền	-	-	-	(69.707.560.500)	(69.707.560.500)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	464.717.070.000	1.584.699.224	161.626.946.846	102.367.853.515	730.296.569.585

Trong năm, cổ tức được chia và quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập theo Nghị Quyết của Đại hội đồng Cổ đông 305/PA-HĐQT ngày 29 tháng 6 năm 2020.

26. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2020		1/1/2020	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	46.471.707	464.717.070.000	46.471.707	464.717.070.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	46.471.707	464.717.070.000	46.471.707	464.717.070.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	46.471.707	464.717.070.000	46.471.707	464.717.070.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Tại ngày báo cáo, danh sách cổ đông lớn của Công ty như sau:

	31/12/2020		1/1/2020	
	Số cổ phiếu	%	Số cổ phiếu	%
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	23.898.273	51,43%	23.898.273	51,43%
The Furukawa Battery Co Ltd.,	4.899.708	10,54%	4.899.708	10,54%
Các cổ đông khác	17.673.726	38,03%	17.673.726	38,03%
	46.471.707	100,00%	46.471.707	100,00%

27. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Trong vòng một năm	2.130.024.000	1.465.745.455
Trong vòng hai đến năm năm	3.988.983.539	969.600.000
	6.119.007.539	2.435.345.455

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	18.765.730.291	22.698.590.978

(c) Ngoại tệ các loại

	31/12/2020		1/1/2020	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	2.232.406	51.423.468.524	147.829	3.417.814.107
EUR	281	7.855.809	292	7.524.031
		51.431.324.333		3.425.338.138

28. Báo cáo bộ phận

Công ty lựa chọn khu vực địa lý là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và lợi ích kinh tế của Công ty tương đối khác biệt theo từng khu vực địa lý.

Khi trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, doanh thu bộ phận dựa vào vị trí địa lý của khách hàng tại Việt Nam ("Trong nước") hay ở các nước khác ngoài Việt Nam ("Xuất khẩu"). Công ty không lập báo cáo bộ phận cho các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kết toán do phần lớn tài sản cố định đều có vị trí tại Việt Nam.

Doanh thu dựa vào vị trí địa lý của Công ty như sau:

	2020 VND	2019 VND
Trong nước	2.361.843.860.832	2.494.859.265.476
Xuất khẩu	592.174.286.569	584.127.529.678
	2.954.018.147.401	3.078.986.795.154

29. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2020 VND	2019 VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu pin và ắc quy	3.449.081.662.295	3.541.175.254.529
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	494.460.017.665	460.141.777.732
▪ Hàng bán bị trả lại	603.497.229	2.046.681.643
	495.063.514.894	462.188.459.375
Doanh thu thuần	2.954.018.147.401	3.078.986.795.154

30. Giá vốn hàng bán

	2020 VND	2019 VND
Pin và ắc quy đã bán	2.462.357.477.436	2.574.567.613.168
Khuyến mãi có điều kiện	56.381.875.258	31.626.555.428
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(12.718.400.144)	11.022.721.426
	2.506.020.952.550	2.617.216.890.022

31. Doanh thu hoạt động tài chính

	2020 VND	2019 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	50.011.273.946	50.677.774.026
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.402.365.039	4.758.036.736
Chiết khấu thanh toán	274.080	-
	55.413.913.065	55.435.810.762

32. Chi phí tài chính

	2020 VND	2019 VND
Chi phí lãi vay	60.775.575.264	58.854.664.231
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8.113.652.338	4.563.891.352
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	81.864.156	97.072.692
	68.971.091.758	63.524.083.220

33. Chi phí bán hàng

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân viên	33.516.469.024	34.327.402.617
Chi phí đồ dùng văn phòng	866.873.251	989.997.447
Chi phí khấu hao và phân bổ	3.233.601.128	3.067.492.587
Chi phí bảo hành	18.212.227.269	17.820.409.890
Chi phí quảng cáo	15.618.360.872	37.296.465.733
Chi phí dịch vụ mua ngoài	46.096.192.684	49.909.482.317
Chi phí bán hàng khác	78.365.922.162	51.789.161.751
	195.909.646.390	195.200.412.342

34. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân viên	24.528.059.272	24.792.886.987
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.232.786.557	1.210.435.234
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.102.448.660	2.029.209.759
Hoàn nhập dự phòng phải thu ngắn hạn	(2.446.494.488)	(428.595.480)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.248.433.910	11.960.496.736
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	13.042.617.206	12.770.882.879
	49.707.851.117	52.335.316.115

35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nguyên vật liệu	2.091.540.215.760	2.050.486.817.450
Chi phí nhân công và nhân viên	276.100.237.365	275.956.816.599
Chi phí khấu hao và phân bổ	81.200.199.597	86.202.705.545
Chi phí sản xuất và kinh doanh khác	371.517.678.272	355.191.852.830
	2.820.358.330.994	2.767.838.192.424

36. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2020 VND	2019 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	35.706.315.793	44.140.702.924
Dự phòng thiếu trong các năm trước	2.938.940.070	1.926.570.619
	38.645.255.863	46.067.273.543
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	2.279.252.706	(781.117.620)
Chi phí thuế thu nhập	40.924.508.569	45.286.155.923

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	189.507.262.135	211.981.102.350
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	37.901.452.427	42.396.220.470
Chi phí không được khấu trừ thuế	84.116.072	963.364.834
Dự phòng thiếu trong các năm trước	2.938.940.070	1.926.570.619
	40.924.508.569	45.286.155.923

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản Luật thuế thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

37. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho năm kế toán báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

	2020	2019
Lợi nhuận thuần trong năm (VND)	148.582.753.566	166.694.946.427
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) (VND)	(14.858.275.357)	(16.669.494.643)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	133.724.478.209	150.025.451.784
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	46.471.707	46.471.707
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	2.878	3.228

(*) Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được tạm tính theo tỉ lệ 10% lợi nhuận sau thuế căn cứ theo mức trích lập được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt.

38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2020 VND	2019 VND
Công ty mẹ		
Tập đoàn hóa chất Việt Nam		
Cổ tức được chia	35.847.409.500	47.796.546.000
Cổ đông lớn		
The Furukawa Battery Co Ltd.,		
Phí bản quyền	3.826.134.899	3.756.322.768
Cổ tức được chia	7.349.562.000	9.799.416.000
Công ty liên quan		
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam		
Mua hàng hóa	21.625.605.870	20.693.708.530
Công ty Cổ phần Hơi Kỹ nghệ Que Hàn		
Mua hàng hóa	405.585.400	421.006.300

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2020	**2019**
	VND	**VND**
Công ty Cổ phần Bột Giặt Lix		
Mua hàng hóa	3.168.434.396	-
Nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty		
Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát		
Thù lao	420.000.000	420.000.000
Tổng Giám đốc		
Lương và thưởng	598.960.000	570.360.000
Thành viên khác trong Ban Giám đốc		
Lương và thưởng	637.180.000	968.200.000

39. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ngày 8 tháng 3 năm 2021

Người lập:	Người duyệt:	
Nguyễn Văn Diệp	Nguyễn Duy Hưng	Lê Văn Năm
Phó phòng Kế toán – Tài chính	*Kế toán trưởng*	*Tổng Giám đốc*

PINACO

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM

321 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

ĐT: (84 28) 3920 3062 - Fax: (84 28) 3920 3060

www.pinaco.com.vn - Email: pinaco@pinaco.com.vn